

Truyện đọc

CẤP I

TẬP HAI



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Truyện đọc CẤP I

Tập HAI

thuongmaitruongxua.vn



Nhà xuất bản Giáo dục * 1987

Biên soạn : TRƯƠNG CHÍNH
 CHU HUY
 Biên tập : NGUYỄN TÚ THUYẾT
 Biên tập mỹ thuật : PHẠM THỊ HÀ
 Bìa và minh họa : DƯƠNG TUẤN
 Sửa bản in : TRƯƠNG TIÊU DUNG

LỜI NÓI ĐẦU

Tiếp theo Truyện đọc cấp I — tập một dành cho học sinh các lớp 1, 2, Truyện đọc cấp I — tập hai dành cho các em học sinh lớp 3. Tập truyện đọc này tuyển chọn 25 truyện trong đó có 14 truyện kể đã in trong sách Kể chuyện 3 (sách dùng cho giáo viên — Nguyễn Huy Đàn, Nguyễn Có biên soạn — NXB giáo dục, 1983) và bổ sung thêm 11 truyện khác mới sưu tầm trong kho tàng văn học dân gian của nước ta và nước ngoài. Sách nhằm hỗ trợ chương trình Tiếng Việt ở cấp I, đặc biệt là chương trình môn kể chuyện và nhằm đáp ứng một phần nhu cầu đọc thêm ngày càng tăng của tất cả các em.

Hầu hết các truyện đọc ở đây đều thuộc các thể loại thần thoại, cổ tích, ngụ ngôn, truyện dân gian, truyện danh nhân trong nước và thế giới. Nhìn chung truyện nào cũng có những linh tiết đặc sắc, hấp dẫn và chắc chắn sẽ mang đến cho các em nhiều thú vị. Các nhân vật trong truyện dù là thần tiên, người hay vật đều có những nét tính cách khó quên, có khả năng gây xúc cảm, nâng cao tâm hiểu biết, bồi dưỡng trí tưởng tượng phong phú và tâm hồn trong sáng cho các em.

Các em hãy đọc và tập kể lại từng truyện cho người khác nghe. Những người biên soạn đã cố gắng chọn lựa, kể lại bằng ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu nhằm làm cho các em: «Biết kể lại gọn gàng các truyện đã đọc hoặc đã nghe. Kể với ngữ điệu thích hợp, đúng điệu tự nhiên» như yêu cầu của chương trình môn Kể chuyện ở lớp 3 đã đề ra. Đó cũng là cách rất tốt để các em tự mình rèn luyện khả năng nói và viết tiếng Việt trong quá trình học tập ở các lớp cấp I trường phổ thông cơ sở.

Tháng 8-1986
 NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

1. HOA MÀO GÀ

Ngày xưa, cô gà mái nào cũng có một cái mào đỏ rất đẹp như mào của các chú gà trống bây giờ. Một buổi sớm, gà mái mơ soi mình trong vũng nước sung sướng thấy chiếc mào xộc trên đỉnh đầu như một chùm hoa đỏ rực. Gà mái mơ khoan khoái vỗ cánh hát vang bài hát quen thuộc của họ hàng nhà gà :

Cục ta, cục tác !

Mào ta đã mọc

Cục ta, cục tác !

Mọi vật quay ra nhìn gà mái mơ và cũng xuýt xoa khen : « Chiếc mào mới xinh xắn làm sao ! Trông thật đom đàng. » ⁽¹⁾

Gà mái mơ tung tăng đi kiếm mồi khắp nơi. Nó đến bên hồ nước chợt nghe có tiếng khóc tí tí. Mái mơ dừng lại, ngàng đầu và chớp chớp mắt, lắng tai nghe. Một cây màu đỏ tía, lá thon dài, đang lăm lăm khóc ⁽²⁾ một mình. Gà mái mơ chạy đến bên cây màu đỏ tía, khẽ hỏi :

— Bạn làm sao thế ? Ai làm bạn phiền lòng ?

Cây rỏ những giọt nước mắt trong suốt như sương và sụt sịt bảo :

— Các cây quanh đây, cây nào cũng có hoa, riêng mình tôi là chẳng có. Vừa nãy có cây còn bảo rằng : « Đến gà mái mơ cũng có hoa trên đầu. Thế mà... »

Nói chưa dứt lời, cây lại khóc, nước mắt cứ thi nhau rơi xuống thánh thót.

Gà mái mơ an ủi bao nhiêu nó cũng không nín. Làm thế nào bây giờ ? Hay là cho cây chiếc mào của mình ? Mái mơ mủi lòng, suy nghĩ một lúc rồi quyết định :

— Thôi, bạn nín đi. Tôi biếu bạn bông hoa trên đầu tôi, bạn có vui lòng không?

Nghe mái mơ nói thế, cây bông tươi tỉnh hẳn hẳn.

— Thật ư? Bạn cho tôi thật nhé?

— Thật chứ. Tôi biếu bạn bông hoa của tôi. Còn tôi, tôi là gà mái mơ không cần có chiếc mào đỏ thắm như bông hoa ấy cũng được.

— Thế thì sung sướng quá, xin cảm ơn bạn nhé!

Sáng hôm sau, mọi người ngạc nhiên thấy chiếc mào đỏ đẹp đẽ của gà mái mơ không còn nữa. Và cái cây thân đỏ tía lá thon dài bên bờ nước thì lại nở chùm hoa đỏ đẹp, rực rỡ y như chiếc mào của gà mái mơ.

Cây hoa sung sướng vươn mình đón ánh mặt trời mỗi buổi sáng. Ánh nắng mặt trời lại nhuộm cho bông hoa thêm đỏ thắm. Cây khẽ khẽ cho bạn bè nghe câu chuyện hôm trước. Ai cũng tấm tắc khen ngợi lòng tốt của gà mái mơ. Khi thấy gà mái mơ đi qua, mọi vật đều nghiêng đầu chào đón, chúc mừng.

— Chúc cho bụng dạ tốt đẹp của gà mái mơ sẽ sinh ra những viên ngọc quý.

Thế là từ đó, bông hoa ấy được gọi là *hoa mào gà* để kỉ niệm tấm lòng tốt của gà mái mơ. Và gà mái mơ cứ mỗi ngày lại đẻ một quả trứng hồng tuyệt đẹp.

Kể theo NGUYỄN THỊ DƯƠNG
(Kể chuyện 3 — NXBGD, 1983)

Chú giải: 1. *Đỏ dẹt*: trông có duyên, đẹp nhờ có các thư trang sức. 2. *Tấm tắc khóc*: khóc không bật thành tiếng to (vì cảm thấy có điều oan ức hoặc bức bối trong lòng).

Ý nghĩa: Quan tâm đến bạn, đến người khác là nét đẹp của con người mới trong xã hội ta. Truyện ca ngợi gà mái mơ đã có hành động cao đẹp nhường cho bạn chiếc mào đỏ của mình.

2. CÔ CHỦ KHÔNG BIẾT QUÝ TÌNH BẠN

Ngày xưa có một cô bé xinh xắn nuôi một con gà trống đẹp mã⁽¹⁾. Buổi sớm thức dậy, gà trống gáy:

— Cúc cù cu! Cúc cù cu! Xin chào cô chủ tí hon!

Gà trống chạy đến vui vẻ nhặt những hạt thóc trong lòng bàn tay cô bé, rồi nhảy lên bờ rào đứng. Ôi lúc này bộ lông của gà trống mới đẹp làm sao, mượt bóng như nhung tơ! Mào thì đỏ chót như hoa gạo nhất là khi nắng mặt trời chiếu vào. Thật là một chú gà trống đẹp tuyệt vời!

Vậy mà một hôm nhìn thấy con gà mái của bà hàng xóm, cô bé thích lắm, liền nói với bà:

— Bà đổi cho cháu con gà mái lấy con gà trống của cháu nhé!

Gà trống nghe nói vậy buồn thiu, cúi đầu xuống, chiếc mào rũ sang một bên. Chẳng làm thế nào được, cô chủ đã quyết định rồi.

Bà hàng xóm bằng lòng. Cô bé mang gà mái về. Con gà mái này có lớp lông tơ dày ấm áp. Chẳng có ngày nào nó quên đẻ trứng.

— Cúc ta, cúc tác! Có chủ ơi, hãy ăn trứng đi cho khỏe người!

Cô bé ăn trứng, ôm gà mái vào lòng vuốt ve, cho nó một nắm hạt kê⁽²⁾ và một bình nước.

Một lần khác bà hàng xóm lại mua về một con vịt. Thấy vịt, cô bé rất thích liền gạ gắm⁽³⁾:

— Bà đổi cho cháu con vịt nhé, cháu sẽ đưa bà con gà mái.

Gà mái nghe chuyện buồn lắm, bộ lông tơ xù ra. Còn biết sao nữa, vì cô chủ muốn thế.

Cô bé lại làm thân với con vịt. Cả hai cùng đi ra sông tắm. Cô bé bơi và con vịt bơi bên cạnh.

— Quạc! Quạc! Quạc! Cô chủ của tôi ơi! Cô đừng bơi xa, sông sâu lắm đấy!

Cô bé thích lắm, vùng vẫy bên con vịt. Lúc cô lên bờ, vịt cũng lên theo.

Thế rồi một hôm có người bà con đến chơi, dắt theo một con chó con. Cô bé rất thích, liền nói:

— Ôi, con cún tuyệt quá! Bác cho cháu nhé! Cháu sẽ biến bác con vịt.

Vịt nghe nói liền vẫy vẫy đôi cánh và kêu toáng lên: «Quạc! Quạc! Quạc!». Nhưng chả ích gì, cô chủ đã tóm lấy vịt và trao cho người đó.

Cô chủ vuốt ve con cún và kể lè:

— Ta có một con gà trống, ta đem đổi lấy gà mái. Rồi ta lại đổi gà mái lấy vịt. Còn lần này ta đổi vịt lấy chú mày đấy!

Chó con nghe nói vậy bèn cụp đuôi lại, chui vào dưới gầm ghế. Đêm đến, nó lấy chân cạy cửa trốn đi:

— Ta không muốn kết bạn với cô chủ này. Cô ấy không biết quý tình bạn.

Sáng hôm sau, khi bừng tỉnh dậy, cô bé chẳng còn thấy một con vật nhỏ bé nào quẩn quýt bên mình nữa.

Theo VA-LĂNG-TANH Ô-XÊ-Ê-VA
(Kể chuyện 3 — NXBGD — 1983)

Chú giải: 1. Đẹp mã: có dáng vẻ bề ngoài chải chuốt nhìn thích mắt. 2. Ké: một loại hạt cây lương thực nhỏ như hạt tấm. 3. Gà găm: tán tỉnh để mưu cầu một việc gì đó có lợi cho mình.

Ý nghĩa: Phải biết quý tình bạn. Người thiếu chung thủy trong tình bạn nhất định sẽ bị bạn bè xa lánh.

3. HÒN NGỌC ƯỚC

Ngày xưa, có một người đi ô, ngày giỗ cha, xin về làm giỗ. Chủ nhà chỉ đưa cho mấy đồng tiền đủ uống nước dọc

đường, chẳng có gì sắm sửa cúng cha cả. Anh ta tủi quá, muốn chết quách cho xong. Đến một khúc sông, thấy có bãi vắng, anh ta nằm ngửa ra chờ nước triều⁽¹⁾ lên cuốn đi. Một đàn quạ bay qua ngờ là thấy ma, sà xuống, đậu trên bụng định rĩa. Anh ta giơ tay vớ được một con, reo lên.

— Không phải chết nữa rồi! May quá! Trời cho con quạ này làm thịt giỗ cha ta đây.

Con quạ sợ lắm, van xin:

— Tha mạng cho tôi! Tôi trả ơn anh một hòn ngọc ước.

Anh ta bằng lòng. Con quạ liền nhả ra một hòn ngọc long lanh. Cầm hòn ngọc về nhà, thoát tiên anh ta ước dăm mâm cỗ, trước cúng cha, sau thết bà con, hàng xóm. Có mâm cỗ rồi, nhưng người đến đông, không chen chân được trong túp lều chật hẹp, anh ta liền ước có một ngôi nhà đủ chỗ ngồi. Ước gì được nấy, anh ta sướng lắm. Có nhà cửa rồi, anh ta ước có ruộng nương, trâu bò để cày cấy làm ăn. Cuối cùng, ước một người vợ. Theo như anh ta thì cô con gái nhà giàu họ trong vùng là vừa ý.

Anh ta đánh tiếng nhờ người mối lái. Cha mẹ cô kia nhận lời ngay. Người nhà giàu ấy nghĩ rằng: «Nó bỗng nhiên được sung túc, đang hoàng như thế kia, nhất định có đào được hũ vàng chôn, gả con gái cho nó, ta sẽ xui con trộm vàng về làm giàu thêm». Chẳng bao lâu thì cho cưới.

Đêm khuya, cô ả mới lần la hỏi chồng vì sao trước khổ sở nay giàu có chóng vánh thế. Anh ta không giấu vợ:

— Tôi giàu có lên là nhờ hòn ngọc ước con quạ cho đấy!

Thế là một hôm, chờ lúc chồng đi vắng, cô ả lấy trộm hòn ngọc rồi bỏ về nhà mẹ. Mất vợ, mất cả ngọc, anh ta chán nản, rầu rĩ. Bụt⁽²⁾ thấy anh ta trước đây có ngọc ước mà không tham, cái gì cần mới ước, nên thương tình, bèn hiện lên, bày mẹo lấy lại hòn ngọc. Bụt đưa cho anh ta một cành hoa trắng và một cành hoa đỏ, dặn:

— Cành hoa trắng, đem gài vào cửa ngõ nhà nó, cành hoa đỏ thì giữ lấy, có lúc dùng đến.

Anh ta làm theo lời Bụt dặn. Mùi hoa thơm lừng. Cả nhà bố vợ chạy ra tìm hoa, tranh nhau ngửi. Ông ngửi, bà ngửi, cô



ả ngửi. Ngửi xong, mũi người nào người nấy dài ra, lủng lẳng như vôi vôi. Đến là khổ! Chạy thầy chạy thuốc mãi, cửa nhà bán hết, không làm sao mũi ngắn lại được. Lấy hòn ngọc ra

ước, cũng không thấy linh thiêng. Bấy giờ anh ta mới sang chơi Hai ông bà vừa khóc vừa than thở:

— Anh xem, nhà này xưa nay ăn ở phúc đức, có làm nên tội tình gì đâu, thế mà mắc phải tai ương như thế này! Thật ông Trời không có mắt!

Anh ta thông thả nói:

— Ông Trời có mắt đấy chứ. Ông bà phải cái tình của ai cũng muốn vợ làm của mình. Con gái ông bà cũng thế. Nó lấy trộm hòn ngọc của tôi về cho ông bà. Ông bà trả lại hòn ngọc thì tôi chữa cho khỏi ngay. Hòn ngọc ấy chỉ người lương thiện dùng mới được!

Vợ chồng người nhà giàu không chối dẳng nào được, lại cũng muốn sống yên lành nên đem ngọc ra trả. Anh ta cầm chắc hòn ngọc trong tay, mới đưa cành hoa đỏ cho cả nhà bố vợ ngửi. Tức thì mũi ngắn lại như trước. Chúng mừng như cha chết sống lại. Nhưng người vợ ấy, anh ta bỏ mà tìm người khác có tình có nghĩa hơn.

Truyện cổ Việt Nam
TRUONG CHINH kể

Chú giải: 1. *Nước triều*: nước biển dâng lên và rút xuống vào những giờ nhất định trong ngày. 2. *Bụt*: cũng gọi là *Phật* trong truyện cổ, chỉ một nhân vật tưởng tượng hay thương người.

Ý nghĩa: Những người tham lam, gian ác thì không thần phật nào phù hộ. Dù có ăn cắp được hòn ngọc ước cầm trong tay, hòn ngọc ước cũng không linh thiêng nữa.

4. CON CHIM NHỎ

Xi-ri-ô-gia mừng ngày sinh của mình. Em nhận được bao nhiêu là đồ chơi: chó sói, ngựa, tranh ảnh... Nhưng thích nhất là chiếc lưới bẫy chim của người anh họ gửi cho. Chiếc lưới ấy như thế này: ngoài cửa lưới có miếng gỗ nhỏ, rắc thức ăn lên đó rồi để ngoài sân. Hễ chim đậu vào mỏ thóc là miếng gỗ

bật lên, lưới khép chặt lại. Xi-ri-ô-gia mừng quá, chạy lại khoe với mẹ. Mẹ nói :

— Thứ đồ chơi ấy không tốt. Con bắt chim để làm gì? Con hành hạ ⁽¹⁾ chúng để làm gì?

Xi-ri-ô-gia trả lời mẹ :

— Con sẽ nhốt chim vào lồng. Con sẽ nuôi cho chim hót.

Xi-ri-ô-gia lấy thóc rắc lên miếng gỗ nhỏ rồi đem lưới đặt ngoài vườn. Xi-ri-ô-gia đứng chờ, chờ mãi, chờ cho chim bay tới. Nhưng chim sợ không bay vào lưới. Xi-ri-ô-gia để lưới đầy đi ăn trưa. Sau bữa ăn, em chạy ra nhìn thì thấy lưới đã sập, một con chim nhỏ đang giẫy giụa trong lưới. Xi-ri-ô-gia mừng rỡ, bắt chim mang vào nhà.

— Mẹ ơi, mẹ xem này, con bắt được chim rồi, chắc là chim họa mi mẹ ạ. Úi dà, tìm nó đập thình thịch.

Mẹ bảo :

— Đây là chim bạch yến ⁽²⁾. Đừng làm tội nó con ạ. Tốt hơn là con thả nó ra.

Xi-ri-ô-gia thưa lại mẹ :

— Mẹ yên trí, con sẽ cho nó ăn, cho nó uống, con sẽ chăm sóc nó.

Xi-ri-ô-gia nhốt chim vào lồng và trong hai ngày rắc thóc cho chim, thay nước, rửa lồng... Đến ngày thứ ba thì cậu bé quên mất chim và không thay nước.

Mẹ bảo :

— Đây, con quên chim rồi. Cứ thả nó ra là hơn.

Xi-ri-ô-gia lại nói :

— Không, con sẽ không quên nữa. Con đi thay nước và rửa lồng ngay bây giờ.

Xi-ri-ô-gia cho tay vào lồng để lau chùi. Chim bạch yến sợ hãi, cuống cuống đập cánh nhẩy khắp lồng. Xi-ri-ô-gia dọn sạch lồng xong, bỏ đi lấy nước. Mẹ trông thấy cậu bé quên đóng cửa lồng, vội gọi nhắc :

— Con không đóng cửa lồng, chim bay mất và coi chừng nó chết đấy.

Mẹ chưa nói dứt lời thì chim bạch yến đã trông thấy cửa lồng. Nó xòe cánh vội vã bay ra định phóng qua cửa sổ, nhưng chim không nhìn thấy cửa kính nên đập đầu vào kính ngã lộn xuống mép cửa.

Xi-ri-ô-gia vội chạy đến vỗ lấy chim đem nhốt vào lồng. Bạch yến còn sống nhưng nằm xệp xuống, rã cánh và thở mệt nhọc. Xi-ri-ô-gia nhìn chim rồi phát khóc :



— Mẹ ơi, con làm thế nào bây giờ, hờ mẹ?

Mẹ lắc đầu đáp :

— Bây giờ thì chẳng làm thế nào được nữa!

Suốt ngày, Xi-ri-ô-gia không rời chiếc lồng chim. Em ngồi nhìn con chim nhỏ. Con chim vẫn nằm xệp, thở dồn dập nặng nề. Khi Xi-ri-ô-gia đi ngủ chim vẫn còn sống. Cậu bé mãi không ngủ được. Mỗi lần nhắm mắt, Xi-ri-ô-gia lại bình dung con

chim bạch yến đang nằm thõ dõc. Sáng dầy, Xi-ri-ô-gia lại gần lồng chim thì thấy chim bạch yến nằm ngửa, chân duỗi thẳng cứng đờ.

Từ dầy Xi-ri-ô-gia không bao giờ bắt chim nữa

LÊP TÔN-XTÔI

(Kể chuyện 3 — NXBGD. 1983)

Chú giải : 1. *Hành hạ* : làm khổ người hay vật khác. 2. *Bạch yến* : loài chim én nhỏ, màu trắng, hót hay.

Ý nghĩa : Chim chóc là những người bạn đáng yêu của chúng ta. Hãy để các bạn ấy tự do sống trong thiên nhiên và làm cho đời thêm vui, thêm đẹp.

5. ĐƯỜNG LÊN TRỜI

Ngày xưa có một chàng trai tốt bụng, khỏe mạnh, làm nương giỏi, đi rừng kiếm củi nhanh gấp đôi kẻ khác mà vẫn đói rách.

Anh quyết tìm đường lên trời hỏi xem nguyên cớ vì sao mà mình phải khổ sở như vậy. Anh đi từ lúc sáng sớm cho đến khi mặt trời lặn, mới dừng chân nghỉ nhờ một nhà bên chân núi. Bà chủ nhà hỏi chuyện, anh nói :

— Tôi lên trời hỏi xem nguyên cớ vì sao những người khỏe mạnh chăm làm như tôi mà vẫn khổ cực.

Bà chủ nhà liền nói :

— Nhân thế, cháu hỏi họ xem tại sao dứa con gái của bác đã lên năm rồi mà chưa biết nói. Hay là nó bị câm?

Chàng trai nhận lời. Sáng hôm sau, anh ra đi từ tỉnh mơ. Gặp một con sông lớn, chưa tìm được cách sang thì anh bỗng thấy một con thường luồng (1) đen, to, nổi lên, nhận dứa anh qua sông. Biết anh lên trời, thường luồng nhờ hỏi xem tại sao mười tám năm liền, nó chuyên công giúp người qua sông mà chưa được hóa thành rồng. Chàng trai cũng vui vẻ nhận lời

và tiếp tục đi. Một hôm, mệt quá, anh ngã lưng vào một gốc cây to ngủ thiếp đi. Bỗng dẫu xuất hiện một cụ già về mặt hiền lành, tóc trắng như mây, da hồng như mặt trời buổi sáng. Cụ lay anh dậy rồi ân cần hỏi chuyện. Anh lễ phép thưa :

— Thưa cụ, con muốn lên trời...

Chưa nói hết câu, cụ già đã ngắt lời :

— Có việc gì hỏi trời, cứ nói với ta. Nếu giúp được ta không ngại. Nhưng con chỉ được hỏi hai điều thôi.

Chàng trai nói :

— Thưa cụ, một người đàn bà ở chân núi nọ có dứa con gái đã năm tuổi mà chưa biết nói, không hiểu vì sao?

Cụ già mỉm cười :

— Muốn cháu bé nói được thì người mẹ phải đào lấy hũ vàng bên phải và hũ bạc bên trái quả núi cạnh nhà.

Chàng trai hỏi tiếp :

— Con qua sông lớn, có con thường luồng nhờ hỏi tại sao mười tám năm liền nó chỉ giúp người qua sông mà chưa được hóa thành rồng?

Bảo nó nhả viên ngọc trong mồm ra thì mới bay lên được.

Chàng trai vui mừng quá cúi dẫu cảm ơn cụ. Khi ngẩng lên định hỏi tiếp về số phận mình thì cụ già đã biến mất. Anh rất lấy làm tiếc nhưng vẫn vui vẻ vì đã giúp được việc cho người khác. Chàng trai quay về. Anh trở lại con đường cũ đã đi. Tới con sông thường luồng nổi lên đón hỏi anh. Anh truyền lại lời của cụ già. Thường luồng cảm ơn, công anh qua sông rồi nhả viên ngọc ra biểu anh. Đó là một viên ngọc quý dùng làm thuốc chữa được nhiều bệnh tật, mang ngọc trong người thì hết ốm đau.

Quả nhiên nhả xong viên ngọc, thường luồng hóa thành một con rồng (2) bay vút lên trời.

Đến nhà người mẹ có cô con gái câm hôm trước, anh thấy bà đang đợi ở cửa. Theo lời anh, bà đào hũ vàng, hũ bạc lên. Lại thay, dứa bé gái bỗng cất được tiếng gọi « Mẹ ơi ! ».

Ai nấy đều yêu mến, kính trọng anh.

Phỏng theo « Truyện cổ Dao » (3)
(Kể chuyện 3 — XBGD. 1983)

Chú giải : 1. *Thuồng luồng* : loài hồ sấu (như cá sấu) có mào, sống ở dưới nước, thường được nói đến trong các truyện cổ. 2. *Rồng* : loài vật do trí tưởng tượng của con người tạo nên, có mình rắn, vảy cá, đầu thú, có thể bơi trong nước hoặc bay lượn trên không. Theo quan niệm cổ rồng tượng trưng cho sức mạnh và sự cao quý. 3. *Dao* : tên một dân tộc thiểu số ở miền núi phía bắc Việt Nam.

Ý nghĩa : Ở hiền gặp lành, người tốt bụng luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ mọi người thì sẽ được sung sướng.

6. A-I-Ô-GA

Ngày xưa có một cô bé Na-nai⁽¹⁾ tên là A-i-ô-ga, cô bé rất xinh. Thậm chí có người nói rằng không một làng bản nào có người xinh hơn. A-i-ô-ga kiêu hãnh⁽²⁾ lắm. Cô bé tự ngăm mình, lúc thì trong chậu đồng đánh bóng, lúc thì trên dòng nước trong, càng ngăm càng tự thấy hài lòng.

Một hôm mẹ cô bảo :

— A-i-ô-ga, con đi xách nước đi !

Cô bé đáp :

— Con ngã xuống nước mất !

Mẹ bảo :

— Con bám vào bụi cây ấy !

A-i-ô-ga đáp :

— Cây bật gốc thì chết !

— Thì con phải bám vào bụi chắc ấy chứ !

— Tay con xước ra mất !

Mẹ cô lại bảo :



Cảm ơn chàng trai tốt bụng, bà đưa biếu anh một nửa số vàng, bạc đào được.

Từ đó, chàng trai trở nên giàu có. Anh lấy vàng bạc chia bớt cho một số người nghèo trong thôn xóm và dùng viên ngọc quý chữa bệnh cho mọi người.

— Con đeo bao tay vào.

— Bao tay cũng đứt hết — A-i-ô-ga đáp. Rồi cô lại lấy chậu đồng ra soi xem mình đẹp đến như thế nào.

— Con lấy kim khâu bao tay đi.

— Kim gãy mất!

— Lấy kim to ấy — Bố cô nói.

— Kim ấy sẽ làm thủng tay con!

— Lấy cái dê da cứng (3) mà đeo!

Vừa lúc ấy, một cô bé nhà hàng xóm đến bảo mẹ A-i-ô-ga:

— Để cháu đi lấy nước cho bác nhé!

Cô ra đi và xách nước về. Bà mẹ nhào bột, làm bánh, nướng bánh. A-i-ô-ga nhìn những chiếc bánh, kêu lên:

— Mẹ cho con một cái đi!

— Bánh nóng cầm bỏng tay — Mẹ cô trả lời.

— Thì con đeo bao tay — A-i-ô-ga nói.

— Bao tay ướt rồi.

— Con sẽ đem phơi.

— Phơi, nó sẽ cứng.

— Con sẽ bóp cho mềm.

— Thế thì đau tay — mẹ cô đáp — việc gì cô phải làm việc cho phí hoài sắc đẹp của cô. Tốt hơn hết là để tôi đem bánh cho đứa bé lúc này nó không tiếc sức mình xách nước hộ tôi.

Bà mẹ lấy bánh đem cho cô bé hàng xóm. A-i-ô-ga tức lắm. Cô bỏ nhà ra sông soi bóng mình dưới nước. Còn cô bé hàng xóm thì ngồi ăn bánh. A-i-ô-ga nhìn cô bé. Cỗ A-i-ô-ga dươn lên dài ngoẵng. Cô bé bảo A-i-ô-ga:

— Bạn lấy bánh này mà ăn!

A-i-ô-ga càng tức, xi lên một tiếng rồi vung hai tay, những ngón tay xoạc ra, toàn thân trắng toát vì giận. Cô cứ vung vậy mãi đến khi hai tay biến thành hai cánh.

— Ta không cần gì cả a-a-a!

Rồi không đứng vững nữa, A-i-ô-ga ngã nhào xuống nước và biến thành ngỗng, vừa bơi vừa kêu:

— Ai chà, ta đẹp lắm sao! ô-ô-ô! Đẹp nhất là ta a-a-a!

Nó cứ bơi, bơi mãi cho đến lúc quên hẳn không nói được tiếng Na-nai nữa.

Duy chỉ có tên mình là nó không quên và hề gặp ai nó cũng kêu lên để người ta biết xưa kia nó là một cô bé rất xinh.

— A-i-ô-ga, A-i-ô-ga-a! (4).

Truyện dân gian Na-nai
(Kể chuyện 3 — XBGD. 1983)

Chú giải: 1. Na-nai: một dân tộc thiểu số ở miền bắc Liên Xô. 2. Kiêu hãnh: lên mặt khinh người, coi mình hơn người. 3. Cái dê da cứng: loại mũ bằng da cứng đeo vào đầu ngón tay dùng để đẩy kim khi may vá. 4. A-i-ô-ga: Tiếng Na-nai mô phỏng tiếng kêu của con ngỗng trời (thiên nga).

Ý nghĩa: « Cái nét đánh chết cái đẹp » người đẹp mà lười biếng không chịu lao động thì cũng trở thành vô dụng, chẳng ai ưa. A-i-ô-ga là một cô bé như thế, thật đáng chê.

7. HÒN ĐÁ THẦN

Ngày xưa có hai vợ chồng ông Lâm, nhà nghèo lại phải nuôi một đàn con năm đứa đang tuổi ăn, tuổi chơi. Hai vợ chồng làm lụng vất vả mà vẫn không kiếm đủ sống.

Có một năm trời đại hạn, nạn đói hoành hành khắp nơi. Hai vợ chồng cố đi kiếm việc làm nhưng chẳng ai thuê. Cuối cùng nhà hết gạo, ông Lâm phải vác thuồng (1) lên rừng đào củ mài (2). Đào mãi, sức kiệt mà vẫn không được gì. Nghĩ đến đàn con nheo nhóc phen này khó tránh khỏi chết đói, ông ngồi ôm mặt khóc nức nở.

Bỗng có một ông Tiên hiện ra trước mặt, hỏi

— Vì sao ông đến đây ngồi khóc?

Ông Lâm trả lời :

— Đàn con bé bỏng của tôi đến chết mất. Từ lâu chúng tôi nhịn ăn, nhịn mặc để nuôi chúng, nhưng bây giờ tôi đành bỏ tay, không kiếm nổi miếng ăn cho chúng nữa.

Nghe ông Lâm kể lẽ, ông Tiên động lòng, lấy ra một cái hũ và nói :

— Ta thương ông đói khổ. Ta cho ông cái hũ này, cần bao nhiêu tiền, cứ nói lên ba lần rồi dốc hũ là sẽ có ngay. Nhưng nhớ đừng để lộ cho người ngoài biết.

Ông Lâm nhận hũ, cảm ơn rồi từ biệt. Về đến nhà ông kể lại mọi việc cho vợ con nghe, rồi đặt hũ xuống đất nói : « Cho chúng tôi một quan tiền để đóng gạo ». Quả nhiên sau lần nói thứ ba, ông cầm hũ dốc xuống, tiền loảng xoảng tuôn ra đúng một quan. Từ đó gia đình ông sống no đủ.

Tuy người bố đã dặn đi dặn lại, mấy đứa con dai dột vẫn để lộ cho một người láng giềng biết việc nhà ông được cái hũ tiền của Tiên cho. Người này đến khoét vách nhìn xem, thấy quả đúng như thế, bèn đi báo quan.

Quan lập tức kéo lính về nhà ông Lâm, quát hỏi :

— Thằng kia, mày hãy đưa cái hũ ra đây rồi cứ sự thực mà khai thì sẽ được nhẹ tội.

Không thể giấu được, ông Lâm đành đưa cái hũ ra trình quan và kể lại đầu đuôi sự việc. Khi thấy những đồng tiền tròn lăn xuống, tên quan nhặt, ngấm nghĩa, đôi mắt long sòng sọc vì ngạc nhiên và thèm muốn. Hắn lập tức sai lính tịch thu lấy cái hũ và bảo :

— Thằng này dùng phép ma, thuật quỷ, tội rất nặng. Hãy đem cái hũ về đình ⁽³⁾ rồi sẽ xử tội nó sau.

Mất cái hũ quý mà không biết kêu van ai, ông Lâm hết sức xót xa. Ông lại lên rừng tìm đến chỗ đào củ mài hôm trước mong gặp lại ông Tiên. Bỗng dưng ông Tiên xuất hiện :

— Có việc gì mà ông đến đây?

Ông Lâm khóc lóc kể đầu đuôi việc quan cướp mất cái hũ. Nghe xong ông Tiên bảo :

— Ông đừng lo, ta cho ông vật này để đòi lại cái hũ. Nói rồi ông Tiên đưa ra một hòn đá và dặn :

— Ông hãy đưa hòn đá này đến trước mặt quan và nói : « Hỡi đá thần, hãy thi hành công lí! » ⁽⁴⁾ thì quan sẽ trả lại cái hũ. Được hũ rồi ông nói tiếp : « Tha vậy! ».

Ông Lâm cầm lấy hòn đá, cảm tạ ông Tiên rồi ra về. Vợ chồng con cái giả vờ thì thảo với nhau về hòn đá thần. Người láng giềng tưởng ông lại có vật gì quý, liền đi báo quan. Biết tin, quan lại kéo lính đến nhà, bắt ông phải nộp. Ông Lâm nhanh nhẩu đáp :

— Vâng, để tôi xin đi lấy.

Ông Lâm lấy đá thần ra và nói : « Hỡi đá thần hãy thi hành công lí! ». Lập tức đá vọt ra văng vào mặt quan, rơi xuống lại văng lên bốp, bốp... Quan đau quá, bỏ chạy, nhưng chạy đến đâu hòn đá cũng văng theo. Bọn lính xông ra cản cũng bị đá văng tới tấp mặt mũi. Cuối cùng quan phải van lạy :

— Thôi, thôi! Ta xin trả lại cái hũ!

Ông Lâm bèn nói : « Tha vậy! » Đá thần ngừng bắn và trở về nằm gọn trong bàn tay ông.

Cả quan lẫn lính mặt mũi sưng vù, lùi thui kéo nhau về đưa cái hũ đến trả cho ông Lâm. Người láng giềng xấu bụng, tuy chưa bị trừng phạt cũng sợ mất vía và đến xin lỗi ông. Từ đó gia đình ông Lâm sống yên ổn và hạnh phúc.

(Kể chuyện 3 — XBGD. 1983)

Chú giải : 1. *Thuồng* : đồ dùng có lõi sắt hình khuôn, cán bằng gỗ, dùng để đào hố. 2. *Củ mài* : loại củ có tinh bột mọc trên rừng, củ ăn sâu xuống đất nên phải đào hố mới lấy được. 3. *Đình* : nơi ở và làm việc của quan chức nhà nước. 4. *Công lí* : lẽ công bằng trong xã hội.

Ý nghĩa : « Tham thì thâm », tham lam độc ác thì sớm muộn cũng bị trừng phạt. Đó là công lí và ước muốn của nhân dân.

8. BÁN BÒ

Bác nông dân nọ lấy phải bà vợ không được tinh khôn như người thường, ai nói gì cũng tin, đến nỗi người ta lừa cho mà không biết. Bác buồn phiền lắm, than thở :

— Chẳng hay trên đời có người nào ngốc hơn vợ tôi không?

Bà vợ bực mình nhưng cũng nhận thấy mình sai, đành nói liều :

— Thiếu gì, vẫn có người ngốc hơn tôi đấy!

Người chồng chỉ biết thở dài. Một hôm, bác có việc lên tỉnh, khi ra đi dặn vợ :

— Tôi lên tỉnh, ba ngày nữa mới về. Tôi đã nói với người lái bò (1) đến, ông ta mua cả ba con bò nhà ta đấy! Bò nhà ta gầy quá, chán cỏ mãi cũng không béo cho. Ông ta có trả rẻ một chút, bà cũng bán đi, kéo không qua khỏi ngày đông tháng giã này đâu. Nhưng bà phải thật cẩn thận, đếm cho đủ tiền. Máy ông lái bò thì nhiều mảnh khóc lắm!

Bà vợ đáp :

— Ông cứ đi đi thôi. Tôi sẽ đợi mỗi con hai trăm đồng, thiếu một xu với tôi cũng không được. Còn tiền thì ai chả phải đếm, đợi ông dặn nữa hay sao?

Người chồng nghe vợ nói thì thấy vợ mình cũng chẳng đến nỗi nào. Ngốc là ngốc cái gì cơ, chứ tiền bạc thì bà ta chẳng ngốc đâu.

Và bác yên trí ra đi.

Hôm sau, người lái bò đến. Bà ta nhất định đòi mỗi con đúng hai trăm, ba con vì chỉ (2) sáu trăm, kèm một xu cũng không bán. Người lái bò không nhiều lời, nói sáu trăm thì xin trả đủ cả sáu trăm, không bớt đồng nào. Hắn xem bò xong rồi lừa bò ra khỏi chuồng. Bà kia ngăn lại nói :

— Hăng khoan. Đưa tiền ra đây tôi đếm đã. Trả đủ thì mới được dắt bò đi.

Hắn đáp :

Được thôi.

Rồi lấy tiền ra trả. Bà kia đếm đi đếm lại chỉ có hai trăm đồng, liền nói :

— Không được, không đủ tiền thì lừa bò vào chuồng lại cho tôi. Tôi đã nói rồi, thiếu một xu cũng không bán.

Người lái bò thông thả nói :

— Thi tôi có bớt của nhà bà đồng xu nào đâu. Tôi mang đi có bấy nhiêu, như vậy còn thiếu bao nhiêu nữa nhỉ?

— Sáu trăm mà ở đây hai trăm, còn thiếu bốn trăm nữa.

Người lái bò bần :

— Thôi thì như thế này nhé! Tôi để hai trăm này lại, xem như tiền đặt cọc. Bấy giờ tôi dắt hai con về, gửi lại bà một con. Ngày mai tôi đưa tiền đến trả đủ rồi sẽ dắt về.

Bà kia tính một hồi rồi bằng lòng. Người lái bò dắt hai con đi. Nhưng ngày mai không thấy hắn trở lại nữa. Hắn ở đâu, người xứ nào, chẳng ai biết.

Bác nông dân về nhà, hỏi bò đã bán chưa. Người vợ kể rõ ràng mọi việc:

— Bò ở nhà, tôi bán rồi. Mỗi con hai trăm, ba con sáu trăm không thiếu một đồng xu. Anh ta đưa hai trăm, tôi đếm đi đếm lại còn thiếu bốn trăm. Anh ta dắt hai con bò về, để lại một con và hai trăm đặt cọc. Tính lại thì đủ số tiền rồi. Ông nghe ra chưa?

— Trời ơi! Bà mà tin miệng thằng lái bò à? Chết tôi rồi. Như vậy là hai con bò kia bán cho nó có hai trăm thôi. Bà thấy không? Chết, chết! Mắc bọm rồi! Thật không ai ngốc hơn bà!

Người vợ tỉnh đi, tỉnh lại thấy mình hớ nhưng vẫn nói liều :

— Thiếu gì, vẫn có người ngốc hơn tôi đấy!

Hôm ấy người chồng tức tối bỏ nhà đi, định bụng chỉ khi nào gặp được người ngốc hơn vợ mình mới trở về, còn không thì đi thẳng. Bác cứ theo đường cái mà đi. Đi một chặng, bác ngồi xuống một hòn đá bên đường nghỉ chân, thì có một người

đàn bà đi qua hỏi sao bác ngồi đây và trông có vẻ buồn rầu như thế kia. Bác trả lời:

— Ở trên thiên đường xuống đây.

Tưởng là nói cho vui, ai ngờ người đàn bà kêu lên:

— Bác ở trên thiên đường xuống thật ư? Vậy có gặp nhà tôi trên ấy không? Nhà tôi ấy mà, mất năm ngoài. Nhà tôi chán cừ.

Biết người này cũng ngốc như vợ mình, bác nói luôn:

— Có, có gặp. Tôi nghiệp! Tôi thấy anh ta mặc rách rưới lắm. Hỏi thì nói, đàn cừ cừ lạc vào bụi rậm, phải chui vào bắt, mắc vào gai góc đến nổi thế.

Người đàn bà khóc thảm thiết hỏi bác có cách nào gửi tiền lên cho chồng sắm sửa quần áo lành lặn hơn không. Nhà vừa bán lúa được một món tiền. Bác nông dân nghĩ bụng đây là dịp mình lấy lại số tiền thua thiệt vì vợ mình mắc bọm gã lái bò, liền nói:

— Chỉ có gửi tiền lên cho anh ấy may áo thì đưa tôi, tôi sẽ trở lên thiên đường đây.

Chị kia tất tả chạy về nhà, lấy tiền đưa cho bác thật, đúng năm trăm, lại còn cảm ơn rối rít. Bác cầm tiền bỏ vào đây, lầm bầm:

— Vợ mình chưa hẳn đã ngốc nhất đâu! Quả là không thiếu người ngốc hơn. Ai nói thế nào cũng tin được!

Một lát, lại thấy có một chàng trai cưỡi ngựa đuổi theo, vừa tới nơi, xuống ngựa hỏi ngay:

— Bác làm ơn cho biết có phải bác sẽ lên thiên đường không đây?

Bác đoán chàng trai này chắc là con người đàn bà nọ biết mình bị kẻ bọm lừa, nên đuổi theo đòi tiền lại, bèn nói:

— Không phải tôi. Người lên thiên đường đi qua đây từ lúc nãy, bây giờ chắc đã tới núi đặng kia rồi!

— Chắc bác nhận ra ông ta. Nhờ bác làm ơn giúp chúng

tôi. Mẹ tôi bảo tôi đưa con ngựa này lên cho bố tôi ở trên ấy để cõ ngựa mà đi tìm cừu khi cừu lạc!

Bác nghĩ bụng lại một anh chàng ngốc nữa và nói:

— Để tôi giúp cậu.

Rồi bác nhảy lên ngựa, phi nước đại trở về nhà, nói với vợ:

— Nhà nói không sai. Quả thật trên đời không thiếu người ngốc. Người này đã ngốc, có người kia lại ngốc hơn. Nhà chưa phải là người ngốc nhất! Có như thế, những thằng bịp bọm⁽³⁾ mới có đất để sống.

Đêm nằm nghĩ lại bác nhận thấy thì ra mình cũng là một thằng bịp bọm đã lợi dụng lòng tin của người. Thế rồi hôm sau, bác cưỡi ngựa, mang tiền đi tìm người đàn bà kia trả hết.

Phỏng theo Truyện cổ Đức
TRƯƠNG CHÍNH kể

Chú giải: 1. Lái bò: người buôn bò. (Lái: tức là buôn chỉ người làm nghề buôn bán ngược xuôi). 2. Ví chi: tức là. 3. Bịp bọm: lừa đảo.

Ý nghĩa: Truyện vui minh họa câu tục ngữ phương Tây « Lúc nào cũng tìm được một người ngốc hơn mình. » Trong xã hội chưa hết bọm lừa đảo, bịp bọm, nên không thể nhẹ dạ tin người!

9. ĐÀN VỊT TRỜI

Một hôm, Cuội⁽¹⁾ đến Mường Vang⁽²⁾ chơi. Đi đường mệt, Cuội ngồi nghỉ bên một bờ hồ rộng. Giữa hồ, một đàn vịt trời bơi lội tung tăng. Cuội đếm một con, hai con... năm con, mười con và nhiều lắm. Đang mãi ngắm đàn vịt, tiếng nhạc ngựa vang lên sau lưng làm Cuội giật mình. Cuội quay lại thấy một lão lang⁽³⁾ ngạo nghễ ngồi trên con ngựa tía. Thấy Cuội, lão lên giọng hách dịch:

— Thằng kia, mày làm gì đấy? Sao không tránh cho ngựa tao đi? Mày không biết đất nước này của ai ư?

Cuội nhanh trí, đáp:

— Bầm lang, con đi chăn vịt. Con không hề biết hồ này thuộc đất của lang.

Vừa nói, Cuội vừa chỉ đàn vịt trời (4) giữa hồ. Thấy đàn vịt đông như kiến cỏ, con vỗ cánh, con ngụp đầu, bơi bơi lội lội, mau tham nổi lên, lão lang gạ Cuội:

— May bán đàn vịt cho tao!

Cuội nghĩ bụng: « Lão lang này quen thói cướp không của người. Phải cho lão một võ mới được ». Cuội làm ra vẻ sợ hãi, thưa:

— Bầm lang, không bán được ạ. Đây là đàn vịt com áo (5) của con, bán đi con biết lấy gì sinh sống. Con xin biểu lang vờ đòi để nhắm rượu thôi ạ.

Lão lang không chịu, cứ đòi mua cả đàn. Cuội vờ từ chối vạy xin mãi. Cuối cùng, lão lang dọa:

— Tao thương mày tao mới hỏi mua. Cánh đồng này của tao, hồ nước này của tao. Đây là đất tao cai trị. Mày không bán, tao cũng bắt cả đàn vịt.

Thế là Cuội đành phải bán « đàn vịt com áo » của mình với giá mười đồng bạc trắng (6). Khi nhận tiền, Cuội vờ buồn rầu bảo lang:

— Vịt của con quen chủ, lang chờ lúa ngay. Đợi chúng ăn no, lang hãy lúa về. Lúa bây giờ là chúng tản đi mất.

Nói xong, Cuội chào lang, đi thẳng.

Còn mình lão lang vẫn đứng lại ngắm đàn vịt. Khi mặt trời sang bên kia dãy núi, xem chừng vịt đã ăn no, lão lang hí hửng chèo thuyền ra lúa đàn vịt về. Nhưng vừa tới nơi thì ời thôi, đàn vịt đồng loạt tung cánh bay vút lên bốn tầng mây. Bấy giờ lão lang ngu ngốc, tham lam mới biết mình bị mắc lừa. Lão vội lên bờ tìm Cuội, nhưng Cuội đi mất từ bao giờ, tìm đâu cho thấy!

Theo ĐÀO VĂN TIẾN

(Truyện dân gian Mường. Kể chuyện 3 — XBGD. 1983)

Chú giải: 1. *Cuội*: nhân vật lâu lành, thông minh thường xuất hiện trong những truyện vui dân gian. 2. *Mường Vang*: một trong bốn cánh đồng lớn của tỉnh Hòa Bình cũ: Bi, Vang, Thảng, Đông. Mường Vang nay thuộc huyện Lạc Sơn, tỉnh Hà Sơn Bình. 3. *Lang*: từ chỉ tầng lớp thống trị ở các xứ Mường trước Cách mạng tháng Tám. 4. *Vịt trời*: loài chim giỏi bay, giỏi bơi lội, thường sống thành đàn ở các vùng có nhiều hồ nước. 5. *Đàn vịt com áo*: ý nói đàn vịt là tài sản, là nguồn sống chính của Cuội. 6. *Đồng bạc trắng*: tiền đúc bằng bạc trắng.

Ý nghĩa: Truyện đề cao trí thông minh của người lao động (ở đây là Cuội) và chế giễu thói tham lam, ngu ngốc của bọn thống trị trong xã hội cũ (ở đây là lang).

10. HAI CHÚ GẤU THAM ĂN

Gấu mẹ và hai gấu con ở giữa một khu rừng rậm. Hằng ngày Gấu mẹ đi kiếm mồi về nuôi con. Cứ thế hai chú gấu lớn dần lên. Một hôm, hai gấu con thưa với mẹ:

— Thưa mẹ, chúng con đã khôn lớn, xin mẹ cho chúng con tự đi kiếm lấy thức ăn.

Gấu mẹ mừng lắm, ân cần căn dặn hai con mọi điều. Hai gấu con từ biệt mẹ ra đi. Chúng đi mãi mà không tìm được thứ gì ăn, bụng đã đói meo. Bỗng chúng kiếm được một miếng phở-mát (1) lớn. Thật là sung sướng. Hai chú gấu con cùng vồ lấy, định chia thành hai phần đều nhau. Nhưng hề chú này định bẻ làm đôi thì chú kia giật lại sợ bị chiếm mất phần hơn. Miếng ăn trước mặt, lòng tham nổi lên, hai anh em quên cả lời mẹ dặn, trước còn cãi nhau, sau lại tranh giành kịch liệt, không ai chịu nhường ai.

Vừa lúc ấy, cáo già đi tới. Cáo hỏi:

— Hai cậu làm gì mà cãi nhau ồm tỏi lên thế?

Hai chú gấu con tranh nhau kể lại chuyện chia đôi miếng phở-mát.

Cáo già nói:

— Chuyện ấy có gì mà khó. Đưa đây tôi chia hộ cho thật đều nhau. Cậu em sẽ được một phần bằng phần của cậu anh.

Hai anh em gấu mừng rỡ, reo lên :

— Thế thì hay quá ! Bác chia hộ cho !

Cáo già cầm lấy miếng pho-mát bẻ làm đôi. Nhưng nó cố ý bẻ thành hai phần to, nhỏ khác nhau.



Hai chú gấu cùng vội vàng nói :

— Miếng này to hơn rồi.

Cáo già bình thản đáp :

— Không hề gì. Nếu miếng này to, tôi sẽ sửa lại cho bằng nhau thôi mà !

Nói xong, cáo đưa phần to lên mồm cắn (2) một miếng rồi nhai ngấu nghiến. Phần to trở thành phần nhỏ. Hai gấu con lại kêu lên :

— Hai phần lại không bằng nhau rồi !

Cáo già liếc mắt nhìn hai chú gấu ra vẻ thông cảm.

— Không sao ! Không sao ! Tôi sửa cho bằng nhau ngay.

Cáo già lại hé mồm ngoạm (3) một miếng khá lớn ở phần to. Phần to lại hóa ra phần nhỏ. Hai gấu con hậm hực gào lên :

— Lại không đều ! Hai phần vẫn không đều !

Cáo già liếm mép rồi an ủi hai chú gấu con :

— Được rồi ! Được rồi ! Tôi chỉ sửa lại một tí là hai phần đều nhau thôi.

Cứ như vậy, cáo già chén (4) hết miếng này đến miếng khác một cách ngon lành. Hai chú gấu con thêm rỏ dãi vẫn cứ hếch mũi lên xem phần nào to hơn, phần nào bé hơn. Cáo già chén no bụng rồi mới chia cho hai phần đều nhau. Và lúc ấy thì mỗi phần chỉ còn là một mẩu rất bé.

Cáo nói :

— Xong rồi, bây giờ thì hai phần tuy bé nhưng đều nhau rồi đây ! Chúc hai cậu ăn ngon và đừng tranh nhau nữa nhé ! Cáo già cười khì khì (5), ve vẩy đuôi và chuồn thẳng

(Kể theo Truyện dân gian Hung-ga-ri
Kể chuyện 3 — XBGD. 1983)

Chú giải : 1. *Pho-mát*: thức ăn bằng váng sữa đặc để lên men.
2. *Cắn*, 3. *Ngoạm*, 4. *Chén*: ba từ gần nghĩa, chỉ động tác ăn của cáo già.
5. *Cười khì khì*: cười không thành tiếng, khác với cười giòn bặt thành tiếng.

Ý nghĩa : Anh chị em trong một nhà nên nhường nhịn nhau, đoàn kết với nhau, không nên tranh giành hơn thiệt để bị người ngoài lợi dụng.

11. CHUYỆN ÔNG BÙI CẨM HỒ

Thời Lê, dưới chân núi Hồng Lĩnh, có một người nghèo khổ, hồi nhỏ cũng học được đâm ba chữ đủ kí tên vào tờ khố

vay nợ, bán ruộng, bán nhà. Lớn lên, anh ta chăn bò cho xóm làng, sáng đánh bò vào núi, chiều lại đánh bò về. Bò nhà ai trả nhà này. Cứ thế qua ngày này tháng khác. Lúc bò gặm cỏ, anh ta lợi xuống suối bắt lươn về ăn. Trong làng nhiều người chữ nghĩa chẳng bằng anh ta, nhưng ra lính ít lâu, trở về được suất đai, suất đội, ăn trên ngồi trốc. Thấy thế, anh ta bỏ đàn bò, trảy kinh, tìm nơi nương tựa.

Bấy giờ ở kinh đô người ta đang bàn tán về một vụ án giết chồng, người đàn bà sắp bị đem ra pháp trường chịu tội voi giày ngựa xé. Số là chồng chị ta đi lính lâu ngày về thăm nhà, chị ta ra chợ mua mấy con lươn nấu cháo tẩm bỏ cho chồng. Không ngờ, ăn xong, chồng lăn đùng ra chết. Làng nước trôi chị ta lại, giải quan. Quan tra hỏi, chị ta kêu oan. Quan không nghe, nghi chị ta có ngoại tình, lập tâm giết chồng để lấy người khác. Thế là cứ luật gia hình (1).

Nghe chuyện, anh kia vội vã tìm đến cửa quan xin vào, nói rằng mình có thể giải oan (2) cho người đàn bà vô tội. Linh thấy anh ta quê mùa, đuổi ra. Anh ta năn nỉ mãi. Chúng vào bẩm quan. Quan cho vào. Anh ta thưa:

— Chuyện chị ta giết chồng thì đã rành rành, không còn chối cãi được nữa. Nhưng chị ta có định bụng giết chồng hay không, thì xin quan xét lại. Bấy giờ xin tạm hoãn thi hành án cho một hôm. Nội ngày mai, tôi sẽ xin vào trình bày mọi lẽ.

Quan rất đỗi ngạc nhiên. Hỏi mãi anh ta vẫn nói thế. Cuối cùng không muốn giết oan một mạng người, quan đành phải bằng lòng. Anh ta về, ra chợ mua một rô lươn, bỏ vào giỏ, hôm sau xách vào cửa quan. Trước mặt quan, anh ta đổ giỏ ra, lươn bò khắp nhà rồi chọn một con, bắt lấy, làm thịt nấu cháo đưa cho chó ăn. Chó chết lăn quay. Bấy giờ anh ta mới nói:

— Lúc ở quê nhà, con thường bắt lươn kiếm ăn nên con biết. Lươn bò bao giờ cũng cúi đầu xuống, chỉ con hoàng xà (3), hình thù giống lươn, nhưng là rắn độc, khi bò thì ngóc đầu lên, mắt nhìn thao láo. Chị kia không biết, mua nhầm.

Quan sáng mắt, liền tâu vua xin cải án (4), tha bổng người đàn bà kia. Buổi ấy, mới bắt đầu dựng nước, nhà vua đang cầu



người hiền, không những giỏi nghĩa lý văn chương mà còn từng trải việc đời, sát thực tế, bèn cho anh ta giữ chức ngự sử (5). Đó là ông Bùi Cầm Hổ.

TRƯƠNG CHÍNH ÁP

Chú giải: 1. *Cử luật gia hình*: theo pháp luật mà trị tội. 2. *Giải oan*: làm rõ nỗi oan ức. 3. *Hoàng xà*: một loại rắn độc, da màu vàng. 4. *Cải án*: (từ cũ) thay án đã xét. 5. *Ngự sử*: chức quan giữ việc can gián nhà vua.

Ý nghĩa: Đời sống thực tế cung cấp cho chúng ta những kiến thức quý giá không kém gì những kiến thức trong sách vở. Vì vậy cần phải luôn coi trọng đời sống thực tế.

12. NHÀ BÁC HỌC Ê-DI-XON VÀ BÀ CỤ GIÀ

Ê-di-xon ⁽¹⁾ là một nhà bác học nổi tiếng người Mỹ, đã có nhiều phát minh khoa học lớn. Ông đã góp phần hoàn chỉnh máy điện báo, điện thoại, bóng đèn điện, đèn ống, máy ghi âm, xe điện, máy chiếu phim v.v.

Khi bóng đèn điện mới ra đời, làng Men Lô-pác ở ngoại ô ⁽²⁾ thành phố Niu I-oóc (Mỹ) ⁽³⁾ là nơi đầu tiên được ông đưa bóng đèn điện vào thắp sáng. Vào những ngày đó, nhiều người từ khắp xa gần ùn ùn kéo về ngắm ánh sáng điện. Thời ấy, con người muốn đi xa phải đi tàu hỏa chạy bằng hơi nước. Còn đi gần, chỉ có một cách duy nhất là đi xe ngựa. Vì thế, số xe ngựa tuy đã khá nhiều, vẫn không sao đủ cho khách thuê đi. Nhiều người phải đi bộ. Có một bà cụ già phải đi bộ mười hai cây số. Đến nơi, cụ mỏi quá, ngồi xuống vệ đường bóp chân, dăm lưng thùm thụp. Lúc đó Ê-di-xon chợt đi đến. Ông dừng lại hỏi chuyện cụ. Cụ nói:

— Ôi, già mỏi quá. Già đã phải đi bộ gần ba giờ đồng hồ để cốt được nhìn tận mắt cái đèn điện, dù ở tận cùng trái đất, già cũng đi. Già chỉ lo đoạn đường về, nghĩ đến cũng đủ chóng cả mặt. Già ông Ê-di-xon nghĩ thêm được cái xe để chở người già đi nơi này, nơi khác có phải may mắn hơn cho già không?

— Thưa cụ, tôi tưởng vẫn có xe ngựa chở khách chứ?

— Thôi, thôi... Già mà đi xe ấy thì ốm mất. Nó vừa xóc vừa kêu ầm ầm. Già chỉ muốn có thứ xe không cần ngựa kéo mà lại thật êm.

Nghe bà cụ nói vậy, bỗng một ý nghĩ loé lên trong óc Ê-di-xon. Ông ngồi xuống cạnh bà cụ, hỏi dồn:

— Thế nào hở cụ? Xe tự đi một mình à?

— Thì chắc ông Ê-di-xon phải biết chứ. Vì ông ta đã làm được đèn điện thì chắc cũng làm được cái xe biết đi một mình.

Ê-di-xon chợt reo lên:

— Làm cái xe chạy bằng dòng điện à? Đúng! Đúng! Thế là xong cái xe mà cụ mong muốn ấy, cái xe điện cụ ạ!

Bà cụ nhìn ngơ ngác trước sự mừng rỡ đột ngột của Ê-di-xon:

— Ông làm sao thế?

— Cụ ơi! Tôi là Ê-di-xon đây. Nhờ cụ mà tôi đã nảy ra ý định làm một cái xe chạy bằng dòng điện.

Bà cụ vô cùng ngạc nhiên khi thấy nhà bác học cũng bình thường như mọi người khác. Khi chia tay, Ê-di-xon bảo:

— Tôi sẽ mời cụ đi chuyến xe điện đầu tiên.

— Thế nào già cũng đến... Nhưng ông phải làm nhanh lên nhé, kéo tuổi già chẳng còn được bao lâu đâu.

Từ sau lần gặp bà cụ, Ê-di-xon miệt mài ⁽⁴⁾ với công việc chế tạo xe điện và đã thành công. Ông dự định đường xe điện đầu tiên sẽ là từ Niu I-oóc đến Men Lô-pác. Ông cùng công nhân ngày đêm thay nhau làm việc. Ông sử dụng cuộc chim cũng thành thạo chẳng kém một công nhân nào. Mọi người đều kính phục ông. Họ bảo:

— Thật là một con người chân chính. Không thấy ai giàu nghị lực và ham làm việc như vậy.

Sau ba tuần làm việc khẩn trương, chuyến xe điện đầu tiên đã chạy. Người ta xếp hàng dài để mua vé. Ê-di-xon mời bà cụ già đi chuyến xe đầu tiên. Đến Men Lô-pác, ông mời cụ vào nhà và bảo:

— Tôi đã giữ đúng lời hứa với cụ rồi nhé! Thế nào, cụ có thích cái xe đó không?

Cu già cười móm mém :

— Giờ thì già có thể đi chơi cả ngày với cái xe này được rồi ông ạ !

(Kể chuyện -- XBGD 1983)

Chú giải : 1. Ê-di-xơn : (1877 — 1931) nhà bác học người Mỹ đã có những phát minh lớn về sử dụng dòng điện. 2. Ngoại ô : vùng ven thành phố. 3. Niu I-ôc : thành phố cảng lớn ở đông bắc nước Mỹ, nhìn ra biển Đại Tây Dương. 4. Miệt mài : theo đuổi công việc một cách say mê.

Ý nghĩa : Truyện ca ngợi sự quan tâm đến hạnh phúc của con người và gương lao động sáng tạo của nhà bác học Ê-di-xơn.

13. NGƯỜI BÉP XÉP

Ngày xưa ngày xưa, có anh nông dân nọ có chị vợ miệng bếp xép⁽¹⁾ như miệng sáo. Không chuyện gì chị ta giữ kín được, cứ giữa ngày phải nói cho hàng xóm láng giềng biết mới chịu thôi. Chẳng những chị ta kể những điều mất thấy tai nghe mà chị ta còn thêu dệt ra nữa. Chuyện nhỏ như cái kim, qua miệng chị ta, to bằng nắm liếp⁽²⁾.

Một hôm, anh chồng vào rừng hái củi. Anh ta vừa đặt chân lên một mỏ đất, bỗng mỏ đất sụt xuống, suýt nữa thì ngã. Cái gì thế này ? Anh ta bẻ một cành cây thọc thọc, nghe cồm cồm. Thế là anh ta đào và được một hũ vàng. Anh ta nghĩ bụng : « Cửa trời cho nhưng đưa làm sao về nhà được. Vợ mình bếp xép thế kia, chỉ trong chốc lát là cả làng biết, phiền quá ». Anh ta không biết tính sao. Một lúc, anh ta đem cái hũ vàng để lại chỗ cũ, lấp đất bằng phẳng rồi trở về nhà, cơm nước xong là đi ngủ. Hôm sau, anh ta dậy thật sớm, lấy trong chạn⁽³⁾ chồng bánh nướng mà chị vợ nướng từ tối định đưa đi chợ bán, lại đến chuồng thỏ bắt một chú thỏ con, rồi đi qua ao chùa đất gần đấy, câu trộm một con cá chép và vác búa vào rừng.

Độc đường, cứ mỗi chặng anh ta treo một tấm bánh nướng vào cành cây, con cá chép anh ta cột trên ngọn cây thông, còn

con thỏ thì anh ta úp trong một chiếc nơm đặt xuống suối gần bia rừng. Xong xuôi anh ta trở về nói thăm vào tai chị vợ :

— Nhà ơi ! Chẳng hiểu ra làm sao mà hôm nay tôi thấy nhiều chuyện lạ lắm. Tôi nói với nhà, nhà đừng nói với ai nhé.

Chị vợ gắt :

— Anh đã thấy tôi nói với ai chuyện gì chưa nào. Tôi chả nói với ai bao giờ cả. Chuyện gì ? Nói đi. Tôi đâu có phải hạng đàn bà bép xép.

— Này, nhà ơi ! Tôi đào được một hũ vàng.

— Đâu ? Đâu ?

— Ở trong rừng ấy.

— Trời ơi ! Đi vào mà bung về nhà ngay đi. Không thì người ta lấy mất.

— Nhưng nhà đừng nói với ai đấy, phiền lắm.

— Biết rồi, nhanh lên. Anh và tôi cùng đi bung về.

Thế là hai vợ chồng cùng đi. Bỗng chị vợ trông thấy những chiếc bánh nướng treo lủng lẳng trên cành cây, kêu lên :

— Anh ơi, nhìn kia kia ! Bánh nướng trên cành cây.

— Tôi thấy từ chiều hôm qua rồi. Mưa bánh nướng đấy. Một đám mây bay qua, rồi thì rơi là tả tưng chiếc.

Chị vợ trở mắt nhìn không nói gì nữa.

— Anh ơi, anh nhìn kia. Trên ngọn thông có một con cá chép.

Anh chồng trèo lên cây thông, bắt cá xuống, rồi hai người lại đi. Một lúc đến chỗ suối có con thỏ nằm trong nơm. Lần này thì anh chồng kêu to :

— Con thỏ ! Con thỏ úp trong nơm ! Bắt về làm thịt ăn trưa thì tuyệt.

Rồi anh ta bắt chú thỏ bỏ vào dây.

Hai vợ chồng đến nơi chôn hũ vàng. Họ đào lên, mang về. Trời chập choạng tối. Đi qua nhà chùa đất, họ gặp một đàn bò. Một con bò cái đứng lại rống lên ồ ồ.

Chị vợ nói với anh chồng :

— Con bò nhà ai rống phải không ?

— Không phải đâu, con ma nó đến hành (4) lão chúa đất đấy. Nhà bước nhanh lên.

— Ma à ?

— Thì tôi đã nói với nhà con ma nó đến hành lão chúa đất mà. Đêm nào chả thế, cứ tối là nó đến nó đánh. Tiếng rống là tiếng lão chúa đất kêu đau quá.

Về đến nhà, chị vợ đi ngủ. Anh chồng loay hoay chôn hũ vàng vào góc nhà rồi mới lên giường nằm.

Chị vợ giữ kín được một hôm, hai hôm, đến hôm thứ ba thì chị ta sang hàng xóm mách những chuyện lạ chị ta trông thấy, kể cả chuyện đào được hũ vàng. Nhưng cái hũ thì không còn là cái hũ nữa mà thành cái chum. Thế là chuyện cái chum vàng truyền từ miệng người này qua miệng người kia đến tai lão chúa đất. Lão chúa đất đến nhà anh nông dân nọ dọa :

— Máy đào được chum vàng trên khu đất nhà tao phải không ? Khôn hồn thì mang trả cho tao. Cái chum vàng ấy thuộc quyền sở hữu của tao, mày biết chứ !

Anh nông dân chối :

— Bầm ông vàng bạc ở đâu ? Làm gì có chuyện đó ? Con xin thề với ông là không có đâu ạ ! Chắc là vợ con nó bịa đặt ra rồi nói với hàng xóm chứ gì ! Nó vẫn thường thế đấy ! Khốn khổ !

Chị vợ đứng đấy, cãi lại :

— Sao ? Tôi bịa đặt ra à ? Chẳng phải là anh với tôi đã đào được cả chum vàng trong rừng là gì ?

Lão chúa đất mừng rỡ, nói :

— Còn chối nữa không ? Chính miệng vợ mày nói ra, chứ ai mà bảo người ta nói oan cho mày ! Chum vàng đâu ? Mang ra !

Anh nông dân vẫn chối :

— Bầm không có đâu ạ ! Ông cứ hỏi lại nhà con khác biết. Lão chúa đất ngoảnh lại phía chị ta hỏi :

— Chồng mày vẫn chối đây đây ! Mày thấy gì thì cứ nói ra ! Chị ta liền kể một tràng :

— Chẳng phải hôm kia, anh và tôi đi vào rừng dọc đường còn thấy bao nhiêu chuyện lạ nữa, anh quên rồi sao ? Nào là mưa bánh nướng, những chiếc bánh nướng rỗ to, treo cành cây...

Lão chúa đất mắng :

— A cái con này, nó nói gì vậy ?

Chị ta vẫn bô bô :

— Bầm ông, con thấy gì con nói nấy. Con chẳng bịa đặt điều gì cả. Những chiếc bánh nướng rỗ to treo trên cành cây... Rồi chúng con đến một gốc cây thông có con cá chép nằm trên ngọn, nhà con trèo lên bắt về rán ăn trưa...

Anh chồng ngắt lời vợ :

— Bầm ông, ông thấy chưa ! Nó nói mà cũng chẳng biết nó nói gì nữa !

Chị vợ không chịu làm thinh :

— Chẳng phải hôm kia anh mang con cá chép bằng này về rán là gì ? Anh còn bắt cả con thỏ nằm trong cái nơm dưới suối ven rừng về làm thịt. Còn chối nữa thôi ? Tôi thấy thế nào thì tôi nói thế ấy. Tôi chẳng bịa đặt điều gì cả.

Tên chúa đất trợn tròn mắt, há hốc mồm :

— Cá chép nằm trên ngọn cây ! Thỏ úp trong nơm cá ! Con mẹ kia điên rồi thật !

Anh chồng được thể nói luôn :

— Bầm, bấy lâu nay, nhà con cứ như người ai lấy mất hồn, nói lảm nhảm, chẳng đâu vào đâu. Chắc là con điên lại nổi lên rồi đấy !

Chị vợ vặc lại :

— Tôi điên à ? Còn cái chum vàng, cũng là tôi bịa đặt ra

sao ? Lúc về gần đến nhà thì nghe tiếng rống, tiếng rống của ngài chúa đất bị ma hành...

Nghe nói thế, lão chúa đất cho là chị ta điên thật và đang lên cơn, liền kêu lên :

— Con mẹ này mất trí thật rồi ! Ta rống lúc nào ? Ma quỷ nào đến hành ta ?

Chị này vẫn khăng khăng cãi :

— Đúng như thế đấy ạ ! Hôm ấy, đúng có con ma đến hành ngài. Chúng con nghe rõ tiếng ngài rống. Ngài cứ nhớ lại mà xem !

Lão chúa đất mắng át đi :

— Con mẹ điên kia ! Đừng nói làm nhảm nữa !

Anh chồng nói tiếp :

— Thì con đã thưa với ông lúc đầu. Nhà con nó có nói đúng cái gì đâu ! Nó mất trí rồi mà ! Khổ thân tôi !

Lão chúa đất bỏ ra về. Anh nông dân giữ hũ vàng làm của. Từ hôm đó, chị vợ chưa thói bép xép, biết chuyện gì là để bụng, chẳng dám nói với ai, mà nói gì cũng chẳng ai tin !

Truyện cổ Nga
TRƯƠNG CHÍNH kể

Chú giải : 1. *Bép xép* : nói năng bừa bãi cả những điều cần giữ kín. 2. *Liếp* : phen đan bằng nứa hay tre. 3. *Chạn* : tủ bằng gỗ để thức ăn. 4. *Hành* : như hành hạ, xem chú thích ở truyện *Con chim nhỏ*.

Ý nghĩa : Truyện đặt ra để cười những người có tính hay bép xép, không giữ kín được điều gì, gây ra nhiều chuyện rắc rối.

14. SƯ TỬ VÀ KIẾN CÀNG

Trong rừng, sư tử có nhiều oai quyền, muôn loài đều phải sợ. Nhưng nó rất cô độc, chỉ lui thúì một mình, không ai là thân thiết để khi vui buồn có nhau. Thế là nó đi tìm bạn. Nhưng nó chỉ kết bạn với những loài có ngà nhọn, vuốt sắc,

nanh dài, sừng khỏe như voi, cạp, gấu, lợn rừng, ít ra cũng trâu rừng, bò tót. Nó nghĩ rằng kết bạn với những loài vật ấy thì nó không bao giờ thiệt. Khi chúng kiếm được mỗi ngon, nhất định chúng phải biếu xén mình, lại khi nhớ mình làm nạn, chúng cũng có thể giúp sức với mình mà chiến thắng kẻ thù.

Một hôm, có con kiến cang đến rủ sư tử cùng kết bạn. Sư tử liền gạt đi mà nói :

— Ta là chúa sơn lâm, mà đi kết bạn với loài kiến như mây hay sao. Thử hỏi xem, mây có thể có ích gì cho ta ! Mồi của mây kiếm được không phải là thức ta ăn hằng ngày. Mây có quyền lực gì để giúp ta khi xảy ra hoạn nạn. Ta làm bạn với mây, thiên hạ sẽ cười ta đại ! Hãy bỏ đi nơi khác ! Bạn của mây là các loài sâu bọ nhỏ bé, hèn hạ như mây !

Kiến cang nghe sư tử nói thế liền bỏ đi ngay.

Một hôm, sư tử đang ngủ, bỗng tỉnh dậy vì thấy ngứa ngứa trong tai rất khó chịu. Không rõ vì sao ? Càng lâu càng thấy



nhức nhối, không tài nào gượng dậy nổi, đành nằm nhìn đôi suốt ngày. Bọn bè kéo đến hỏi thăm. Sư tử nằm rên hừ hừ, nhờ chúng xem trong tai có cái gì hãy lấy ra giúp. Voi nói:

— Tôi chẳng nhìn thấy gì cả. Ngà tôi dài nhưng không thể cho vào tai bạn được!

Hồ cũng nói:

— Tôi cũng đành chịu. Vuốt tôi sắc, nhưng không thể cho vào tai bạn được!

Gấu, lợn rừng, trâu rừng, bò tót đều chịu. Cuối cùng, chúng tản ra đi kiếm mồi, mặc sư tử nằm rên một mình.

Kiến càng nghe tin sư tử đau tai, không hề bụng chuyên cũ, sốt sắng đến thăm. Sư tử nhờ kiến xem bệnh tình của mình. Kiến bò vào tai sư tử thấy một con vắt nằm kên ra dấy, bụng no căng. Kiến đốt cho nó một mồi, té dại đi, rồi kéo ra. Sư tử thấy nhẹ nhàng cả người. Bấy giờ sư tử mới hối hận đã đối xử không phải với kiến, và xin kết thân với kiến suốt đời!

Truyện cổ Lào
TRƯỜNG CHÍNH KÊ

Chú giải: Kiến càng: loại kiến to, có nọc độc.

Ý nghĩa: Người ta thường nói « chọn bạn mà chơi » nhưng không phải là chọn những người mình có thể lợi dụng được. Cần chọn những người bạn tốt, có tình bạn chân thành.

15. ĐĂM BỜ - RI

Xưa kia, đã lâu lắm, ở vùng Tây Nguyên gần kinh thành có thác Bức-so reo vui ca hát đêm ngày. Nhưng vua Po-rum không thích nghe tiếng thác. Hắn ra lệnh cho quân lính bắt dân phá đá cho nước chảy xuôi êm, dập tắt tiếng thác reo để hắn ngủ ngon giấc. Thế là hàng nghìn trâu, bò, lợn, gà bị giết thịt, hàng trăm người chết vì rơi đòn, vì đá rơi. Xác họ bị vứt xuống nơi thác đổ. Nước căm giận trào lên, sủi bọt ngầu máu.

Đăm Bờ-ri⁽¹⁾ thấy cảnh buôn làng bị tàn phá, nhân dân bị tàn sát thì rất đau xót. Chàng bèn trốn đi để tìm cách báo thù cho buôn làng. Chàng mang theo một chiếc gùi, mấy nắm gạo, một thanh gươm, một chiếc nỏ và một con chó. Chàng đi, đi mãi. Một hôm, chàng đến bên một hồ nước trong veo, con chó theo bên chàng bỗng cất tiếng sủa. Nhìn quanh không thấy một bóng chim, một dấu chân thú, chàng xua chó đi tiếp. Con chó không chịu đi, càng sủa dữ như lên cơn dại. Xua mãi không được, chàng nổi giận vì con chó không nghe lời chủ, liền đá nó xuống nước rồi bỏ đi. Con chó không chết. Qua bao nhiêu núi, bao nhiêu rừng, chàng vẫn nghe tiếng chó sủa bên tai. Chàng quay lại hồ nước, rút gươm chém con chó.

Lạ thay! Chó không chết mà gươm quẩn lại như chém phải đá. Chàng chém mạnh hơn, lưỡi gươm tóe lửa, bật lại. Con chó vẫn trơ trơ, vẻ vẫy đuôi tỏ vẻ mừng rỡ. Chàng kinh ngạc, nhúng tay xuống nước hồ rồi vung gươm chém thử vào cánh tay mình. Thanh gươm gãy đôi. Biết là nước quý, chàng bèn nhảy xuống hồ tắm, rồi vẫy gọi chó trở về cứu dân làng.

Chàng vượt suối bằng rừng nhanh như gió cuốn. Chàng muốn đo sức ngay với kẻ thù. Thác⁽²⁾ Bức-so đây rồi. Dân làng thân yêu đang bị quân lính đánh đập, thúc ép. Chàng xăm xăm bước tới, hét lớn:

— Sao chúng bay dám hành hạ dân làng?

Bọn lính gầm lên:

— Đưa nào vừa nói? Bắt lấy nó!

Chúng nhận ra chàng và hùng hồ xông tới. Chàng cứ đứng yên cho chúng chém. Bao nhiêu gươm đao tua tủa đâm chém vào chàng như chém vào đá. Chàng vẫn đứng sừng sững như ngọn núi. Bọn lính hoảng quá, tưởng chàng là một vị thiên thần⁽³⁾, bỏ chạy tán loạn. Chàng giật lấy một thanh gươm đuổi theo chúng chém tới tấp. Chúng chết như ngã rạ⁽⁴⁾. Chàng đánh đuổi chúng đến tận kinh thành. Lính gác cửa vội tâu lên nhà vua. Vua Po-rum hoảng quá cho quân lính ầm ầm ra vây đánh. Trăm đứa ra chết cả trăm, ngàn đứa ra chết cả ngàn. Quân lính đông như kiến, một mình chàng chống không xu-

Cuối cùng, chúng hò nhau lấy dây sắt trói chàng lại, chắt củi đốt. Ngọn lửa bốc cao, đỏ rực một góc trời, chàng vẫn ngang nhiên nhìn những lưỡi lửa liếm vào thân mình. Người chàng dần dần đỏ rực như sắt nung. Ánh sáng tỏa ra chói rực cả một vùng. Bao nhiêu dây trói đứt hết, chảy thành nước. Chàng xông tới đám quân lính, dang rộng hai tay ôm chặt lấy chúng. Kẽ thủ cháy bùng lên như mối lửa. Chàng ôm cả nhà cửa, thành quách, lâu đài. Kinh đô nước Po-rum chìm trong biển lửa. Vua Po-rum và triều thần vô cùng hoảng sợ. Chúng liều chết xông lại bắt trói được chàng. Cuối cùng chúng đã tìm cách móc ruột Đăm Bơ-ri. Đăm Bơ-ri chết vì quên không uống một ngụm nước ở hồ nước thần. Chàng trai dũng cảm của núi rừng ngã xuống. Nhưng dân làng được cứu thoát. Vì quá kinh hoàng tên vua Po-rum không dám cho quân đến phá thác Búc-so nữa.

Ngày nay đến vùng Đắc Lắc ta còn thấy dòng thác Búc-so hùng vĩ đổ xuống âm âm như hát mãi bản anh hùng ca về chàng trai dũng cảm : Đăm Bơ-ri.

(Kể chuyện 3 — XBGD. 1983)

Chú giải : 1. Đăm Bơ-ri : (tiếng dân tộc Mơ-nông, Đăm có nghĩa là chàng, Bơ-ri là rừng núi) tên chàng trai dũng sĩ trong truyện. 2. Thác : dòng nước (sông, suối) từ trên cao đột ngột đổ xuống, gây âm thanh vang động. 3. Thiên thần : thần của nhà trời. 4. Chết như ngã rạ : (thành ngữ) chỉ thầy chết nằm la liệt như rạ trên ruộng gặt.

Ý nghĩa : Truyện ca ngợi chàng trai của núi rừng đã chiến đấu dũng cảm và hi sinh oanh liệt để bảo vệ dân làng, bảo vệ quê hương, chống lại ách áp bức tàn bạo của tên vua hung ác.

16. CUỘC PHIÊU LƯU (1) CỦA BA GIỌT NƯỚC

Một ngày kia, dưới ánh nắng nóng bỏng của mặt trời, ba giọt nước nằm trên mặt đất cứ mỗi lúc lại nhẹ mãi đi. Cuối cùng chúng bốc lên tận trời cao cùng với hàng triệu, hàng triệu giọt nước khác. Chúng tụ lại thành đám mây trắng. Hòa với đám mây trắng, từ trên trời cao, ba giọt nước nhìn xuống thấy mặt đất vô cùng đẹp đẽ : sông ngòi chằng chịt, đồng ruộng bao

la, núi non trùng điệp, phố phường nhộn nhịp, làng mạc xanh tươi. Ôi mặt đất sao mà đẹp dễ thế, vậy mà lúc còn ở dưới mặt đất, chúng không sao cảm nhận được.

Bỗng một cơn gió nổi lên dồn những đám mây lại với nhau. Ba giọt nước ngạc nhiên hỏi : « Di Gió từ phương nào đến mà dồn chúng cháu lại với nhau như vậy ? »

Gió ôn tồn đáp : « Vừa rồi ta bận đưa các bạn cháu đi dạo chơi. Bây giờ đến lượt các cháu cùng ta bước vào một chuyến đi dài và đầy thú vị ».

Ba giọt nước sung sướng reo lên : « Hoan hô Di Gió ! Di đưa chúng cháu đi nhé ! Chúng cháu thích lắm đấy ! »

Thế là đám mây trôi trên bầu trời. Dưới ánh mặt trời long lánh, đám mây thay đổi màu sắc một cách kì diệu. Ban đầu mây có màu xám rồi chuyển sang màu hung, màu nâu đỏ, màu hồng phấn cuối cùng thành đám mây bông nõn. Hình dáng mây cũng thay đổi luôn : lúc thành hình ngựa phi, voi chạy, lúc thành hình rồng bay, cá lượn.

Cuộc dạo chơi cứ mỗi lúc một nhanh. Mây cứ mỗi lúc một lạnh dần và ba giọt nước càng nhỏ đi, càng nặng thêm. Bây giờ thì đám mây không còn giữ được màu bông nữa. Nó xám dần rồi tối sẫm lại và chẳng mấy chốc trở nên đen kịt.

Một ngọn núi ngẩng cao đầu ngăn đám mây lại. Di Gió vượt qua đầu ngọn núi, bay đi. Ba giọt nước ngạc nhiên hỏi núi :

— Ông là ai mà lại chặn chúng tôi ? Ông tránh ra cho chúng tôi bay theo Di Gió !

Núi đáp :

— Các con không thể đi lang thang được mãi. Ta là ngọn núi rất cao, không một đám mây nào vượt nổi. Chờ đây sẽ có nhiều đám mây bạn khác cùng dừng chân tại đây.

Quả nhiên mây ùn ùn kéo đến làm đen ngịt cả bầu trời. Một luồng hơi lạnh từ đầu thổi tới. Đám mây rung mình, cảm thấy mình không còn nhẹ bỗng như trước nữa. Tất cả đều biến thành những giọt nước nặng ào ào rơi xuống mặt đất.

« Mưa ! » Người dưới mặt đất reo lên. Sức vật tìm nơi ẩn náu. Cây cỏ mùa reo và tươi tắn hẳn lên.

Bã giọt nước rơi xuống, hòa mình vào một dòng suối mãi miết trôi đi để rồi một lúc nào đó lại biến thành hơi, thành mây ngao du⁽²⁾ trên bầu trời cao rộng.

(Kể chuyện 3. — XBGD. 1983)

Chú giải : 1. *Phiên lưu* : đi đây, đi đó không định trước thời gian và nơi chốn. 2. *Ngao du* : đi dạo chơi.

Ý nghĩa : Truyện khoa học này nhằm giải thích một quy luật của thiên nhiên : dưới sức nóng của mặt trời, nước bốc thành hơi, hơi nước tụ lại thành mây, mây bay lên cao gặp khí lạnh lại biến thành mưa rơi xuống sông, suối.

17. CON MÈO QUÝ CỦA NHÀ VUA

Nhà vua có con mèo quý lắm, xích bằng xích vàng, cho ăn toàn đồ cao lương mỹ vị. Trạng vào chầu, trông thấy, bắt trộm về, cắt xích vàng đi mà buộc xích sắt, nhốt một chỗ, đến bữa để cho hai bát cơm, một bát đĩa thịt cá, một bát rau nấu dầu tỏi. Mèo ta quen ăn miếng ngon, chạy đến bát cơm thịt cá chực ăn ; Trạng cầm sẵn roi, hễ ăn thì đánh. Mèo sợ, phải ăn bát rau nấu dầu tỏi. Cứ thế hơn nửa tháng, dẫy dẫy vào khuôn mới thả ra.

Nhà vua mất mèo, cho người đi tìm, thấy nhà Trạng có một con mèo giống y hệt, bắt Trạng đem mèo vào chầu. Nhà vua xem mèo, hỏi :

— Sao nó giống mèo của trẫm⁽¹⁾ thế ? Hay khanh⁽²⁾ thấy mèo của trẫm đẹp, bắt về, nói thật đi !

— Tâu bệ hạ, bệ hạ nghi cho thần bắt trộm, thật là oan, xin bệ hạ đem ra thử thì biết.

— Thử thế nào ? Nói cho trẫm nghe !

— Muốn tâu bệ hạ, bệ hạ giàu sang thì mèo ăn thịt, ăn cá, còn thần thanh bạch thì mèo ăn cơm dầu tỏi, rau muống. Bây giờ, để hai bát cơm ấy, xem nó ăn bát nào thì biết ngay.

Nhà vua sai đem ra thử. Con mèo chạy thẳng đến bát cơm rau, ăn sạch. Trạng nói :

— Xin bệ hạ lượng thứ⁽³⁾ cho. Mèo nhà quyền quý giàu sang mới được ăn cao lương mỹ vị, mèo nhà bần tiện thì phải bằng lòng với chút cơm hẩm canh thừa. Người chưa có đủ mà ăn, huống nữa là mèo !

Rồi lấy tạ, đem mèo về.

Trạng Quỳnh người đời Lê, tên thật là Nguyễn Quỳnh ở làng Bọt Thượng, huyện Hoảng Hòa, tỉnh Thanh Hóa, thông minh học giỏi, đỗ hương cống, không phải đỗ trạng nguyên. Người đời gọi là Trạng là vì ông có những cử chỉ hành vi thông minh ngược chổng bọn vua quan. Vì vậy, những giai thoại về ông thường do nhân dân sáng tác ra, chỉ mượn tên ông mà thôi.

TRƯƠNG CHÍNH KÊ

Chú giải : 1. *Trẫm* : từ nhà vua dùng để tự xưng. 2. *Khanh* : từ nhà vua dùng để gọi vợ hoặc các quan. 3. *Lượng thứ* : xét mà tha thứ cho.

Ý nghĩa : Đây là một mẫu trong truyện Trạng Quỳnh, Trạng dùng mưu để chơi khăm nhà vua, đồng thời chỉ trích cái thói của những nhà quyền quý, giàu sang, chiều chuộng loài vật, nhưng tàn nhẫn với nhân dân.

18. CHUYỆN XIÊNG MIỆNG

Người Lào ai cũng biết chuyện Xiêng Miêng⁽¹⁾. Xiêng Miêng thông minh hay chơi khăm⁽²⁾ chúa đất, nên chúa đất vẫn tìm cách bắt tội.

Một hôm, chúa nắm chặt một con chim nhỏ trong tay, cho gọi Xiêng Miêng đến và hỏi :

— May bảo tao để con chim này sống hay sẽ bóp chết nó ?

Xiêng Miêng đang đứng cạnh cái cột liên treo lên lưng chừng rồi hỏi lại :

— Vậy thì nhà chúa bảo bây giờ tôi sẽ treo lên nữa hay tụt xuống.

Chúa đất biết mình không thể thắng nên đành để Xiêng Miêng về.

Hôm sau chúa đất gặp Xiêng Miêng đang tắm dưới ao, liền nói :

— Xiêng Miêng, tao đổ mây làm cho tao xuống ao được đấy !

Xiêng Miêng nhảy lên bờ gội đầu, gội tai nói :

— Hiện giờ nhà chúa đang ăn mặc thế kia mà lại đổ nhà chúa cỡi cả nhà chúa lên bờ thì khó quá. Nếu nhà chúa ở dưới nước mà đổ nhà chúa lên bờ thì rất dễ, tôi làm được ngay.

Chúa đất vội vàng cỡi phăng quần áo, nhảy ùm xuống ao định bắt Xiêng Miêng đổ mình lên bờ. Nhưng hân chưa kịp nói thì Xiêng Miêng đã cười khà khà, chế giễu :

— Đấy nhè, nhà chúa xuống ao rồi ! Thế là thua cuộc nhè !

Tiếp đó, Xiêng Miêng thản nhiên lấy quần áo của chúa đất làm ra bộ váy vào. Chúa đất tưởng Xiêng Miêng định cướp quần áo liền vội vã bò lên bờ. Xiêng Miêng ôm quần áo vừa đi giặt lùi, vừa nói :

— Đấy, thế là nhà chúa lại thua cuộc lần thứ hai nhè ! Ban này, tôi đã làm cho nhà chúa phải xuống ao. Bây giờ tôi lại buộc nhà chúa phải lên bờ. Nhà chúa đã chịu thua chưa nào ?

Xiêng Miêng vừa nói vừa chạy, cố như cho chúa đất phải chạy theo. Dân chúng thấy chúa đất trần như nhộng đuổi theo Xiêng Miêng liền đổ ra xem. Ai nấy đều bò lăn ra cười.

Chúa đất đành phải chịu thua, Xiêng Miêng mới vút trả lại quần áo.

Dựa theo Tuyển tập văn học Lào
(Kể chuyện 3 — XBGD. 1983)

Chú giải : 1. Xiêng Miêng: nhân vật thông minh và bướng bỉnh trong văn học dân gian Lào, thường tìm cách chơi khăm bọn vua chúa hạ uy thế của chúng. 2. Chơi khăm: khăm là từ cổ có nghĩa là cái hồ; chơi khăm là chơi có ý ngầm làm cho đối phương bị sa hố, bị thua đau.

Ý nghĩa : Truyện đề cao tài trí của Xiêng Miêng đồng thời đã kích bọn chúa đất ở tính hiếu thắng nhưng ngu ngốc.

19. BẢY CHÀNG TRAI

Ngày xưa ngày xưa, có nhà nọ đã nghèo lại đông con. Bảy người con trai đã lớn mà chưa anh nào có vợ, ở riêng. Họ làm ăn cật lực, cũng không đủ ăn, chỉ vì thiếu đất phá rẫy làm nương. Bố mẹ họ thường ngồi than thở với nhau :

— Thế này thì phải bỏ làng đi nơi khác ! Chúng nó lớn cả rồi, dứa nào cũng khỏe mạnh. Quý hồ tìm được đất lành thì chẳng đến nỗi nào ! Ông cha ngày trước cũng thế thôi. Đất ở bạc với người thì người bỏ đất mà đi. Chẳng bị được với những người khác. Họ giàu có, là nhờ ông bà tổ tiên họ đến đây trước chỗ nào nhiều lúa nhiều ngô họ chiếm hết rồi !

Bà mẹ thở dài :

— Biết đi đâu ?

— Ngồi ở đây thì sao biết được ! Cứ đi đã. Có đi, mới đến.

Bảy anh em thấy bố mẹ già lo buồn như thế, bàn với nhau đi trước, gặp đất lành sẽ về đưa bố mẹ đến sau.

Lúc đầu hai ông bà nói đã đi thì đi cả, nhưng về sau, mỗi đứa một lời cũng nghe ra, đành để cho con đi trước.

Thế rồi, ngày nọ, bảy anh em lên đường đi tìm đất lành. Họ đi về phía mặt trời mọc, vượt qua những rừng thẳm núi cao tìm những vùng đất bằng phẳng, ở được nhiều người. Nhưng cũng chưa gặp chỗ nào ưng bụng. Anh thứ hai bàn :

— Hay là chia ra mỗi người đi một hướng mà tìm ?

Người anh cả nói :

— Khi bước chân ra đi, bố mẹ dặn đi dặn lại rằng anh em không được rời nhau. Rời nhau ra là chết. Chúng ta đi róng rã đã mấy lần trăng tròn trăng khuyết, xa làng cũ lắm rồi ! Nhớ gặp chuyện gì phải có anh, có em. Con một mình, xoay xở ra làm sao ?

Họ lại tiếp tục đi vượt qua nhiều đèo, nhiều suối, ngày đi đêm nghỉ, cuối cùng đến một nơi đồi nổi tiếp đồi, đất màu đỏ, cầm lên tay, rơi như bột, dễ bới, dễ trồng. Anh em bảo nhau :

— Đắt lạnh đây rồi! Rộng lắm! Chúng ta về đưa bố mẹ lên, gọi cả những nhà nghèo như chúng ta cùng đến. Họ cũng như chúng ta, không ai muốn sống cảnh đói cơm rách áo. Nhưng phải xem xung quanh đây có làng bản nào không đã, dân cư ra làm sao. Họ theo đường mòn, tìm dấu chân người. Mãi gần tối mới đến nơi có nhiều nhà cửa. Không nhà nào đổ đèn, cổng thì đóng kín. Cũng không nghe tiếng gà kêu chó sủa. Bốn bề im phăng phắc. Lẽ nào trời tối rồi mà người ta còn ở ngoài nương rẫy cả, chưa về sao? Họ đang đứng tần ngần, chưa biết nên như thế nào thì người em út nói:

— Đi trong rừng vắng không sợ hắc hắc này. Chỗ này có nhà mà nhà nào cũng vắng tanh vắng ngắt. Chắc có tai nạn gì ghê lắm nên cả làng mới bỏ đi. Hay là anh em ta tìm làng khác vậy!

Người anh thứ ba nói:

— Đi đâu nữa cũng sáng mai. Bây giờ cứ vào ngôi nhà to lớn đằng ấy nghỉ lại đã.

Mấy người kia cũng nói:

— Phải đây. Cứ vào, xem sao. Còn đoán thế này, đoán thế khác, thần hồn nát thần tính⁽¹⁾, chỉ mình làm mình sợ thôi! Anh em ta bảy người, có lẽ loi đâu! Cứ vào!

Và bảy anh em kéo nhau vào ngôi nhà to nhất làng. Không có ai cả. Bếp lạnh tanh, đủ biết nhiều ngày, không thổi nấu gì. Ai cũng đói bụng, họ sửa soạn thổi cơm. Người anh cả cắt đặt, bảo anh hai ra canh cổng, anh ba đứng ở sân, thấy động là báo ngay. Bỗng một người con gái, tóc búi xòa, từ trong buồng lẳng lẳng bước ra. Thấy người lạ, cô ta không sợ hãi mà có vẻ yên tâm hơn. Cô ta nói:

— Chết! Chết! Các anh đừng đổ lửa lên! Chúng nó thấy khói, thấy lửa ở đâu là bay đến đó. Mà các anh là ai? Từ đâu đến?

Bảy giờ mấy anh em mới xúm lại quanh cô gái, hỏi dồn. Cô gái kể:

— Chúng nó là con kơ-na-kinh⁽²⁾, không lồ và bảy gơ-rư⁽³⁾ hung ác. Đã bốn hôm nay, chúng nó đến làng em, thấy nơi nào

có khói, có lửa là sà xuống bắt người. Mấy nhà ở đằng kia bị đốt sạch. Bố mẹ em cũng bị chúng đốt đi hôm qua. Em chui vào hầm, chúng không biết, nên thoát. Thế là cả làng, già trẻ trai gái kéo nhau vào rừng. Nhà nào có hầm mới có người ở nhà trông nhà, thấy động là chui vào hầm ngay. Không nhà nào dám đổ lửa thổi cơm. Toàn ăn gạo rang, sắn khô.

— Thế, không có cách gì giết được chúng ư?

— Làng em thiếu gì người bắn cung, bắn nỏ giỏi, nhưng không ăn thua. Chúng đông lắm, găm rú nghe run cả người. Chỉ giết được vài con. Còn con chim chúa to hơn cả chiếc thuyền, bắn không thủng. Mũi tên chạm vào thân nó là gãy đôi rơi xuống.

Bảy anh em nghe cô gái kể cũng chần chợn⁽⁴⁾. Họ ngồi im lặng nghĩ cách giết con kơ-na-kinh và bảy gơ-rư.

— Dùng nỏ, dùng cung không được thì dùng dao, dùng mác. Dứt nó xuống gần rồi chém từng con.

— Thế nào? Nó lại gần mình mà mình yên à? Với lại con kơ-na-kinh, bắn không thủng, thì chém cũng không đứt!

— Không cách này thì cách khác, chẳng lẽ chịu chết hay sao?

Mọi người lại ngồi im lặng. Bỗng người anh cả bình tĩnh nói:

— Được rồi! Cứ thổi cơm ăn no đã. Chúng ta đóng cửa thật chặt. Trên mái nhà sẽ khoét bảy cái lỗ vừa đầu con gơ-rư chui lọt. Anh em ta mỗi người canh một lỗ. Con nào thò đầu vào, chém con ấy. Còn con kơ-na-kinh bắn không thủng, chém không đứt, thì bẫy.

— Ừ nhỉ! Cứ thế mà làm! Đóng cửa thật chặt chúng ta ở trong không sợ. Thôi, người nào việc này.

Họ bắt đầu đóng cửa, khoét lỗ. Cô gái chưa biết mình nên làm gì, hỏi:

— Còn em?

Người anh cả nói:

— Cô tìm cho tôi sợi da trâu nhà dùng bắt voi, đem ra đây, tôi thắt cái thông lưng (5). Và cô vo gạo thổi cơm đi!

Nói rồi, bảy anh em ngồi mài dao thật sắc, khoét bảy cái lỗ trên mái nhà, sửa soạn thông lưng. Cô gái đồ lửa thổi cơm.

Họ vừa ăn xong, đặt bát xuống, đã nghe tiếng âm âm từ xa xen lẫn tiếng gào rú, tiếng cánh đập gió như bão nổi. Đàn chim dữ thấy khói bốc lên, bay tới. Chúng đã ở trên mái nhà, liệng qua liệng lại, tìm đường vào. Thế rồi cái đầu nào thò vào là cái đầu ấy rụng. Một chục... hai chục... ba chục. Con kơ-na-kinh gào lên, xô đẩy đàn gơ-rú. Chẳng biết chúng nó bao nhiêu, nhưng về sau thừa dân, thỉnh thoảng mới có một cái đầu thò vào, chưa kịp ngó, đã lại rụng. Chết nhiều, chúng hân. Có tiếng vỗ cánh bay đi, tán loạn.

— Phải bắt cho được con kơ-na-kinh thì đàn gơ-rú mới không dám trở lại! Đưa cái thông lưng đây!

Người anh cả vừa nói, vừa khoét một cái lỗ to hơn, vừa cho nó thò đầu vào. Và ngồi chờ.

Quả nhiên, một lúc, con chim chúa sa xuống, thò đầu vào cái lỗ to nhất. Tức thì thông lưng thắt lại. Người anh cả du người vào sợi dây, vít xuống. Nó đập cánh sần sật, vùng vẫy, rung chuyển cả ngôi nhà như trong một cơn lốc. Bảy giờ thì nó không làm gì được nữa rồi! Những con gơ-rú còn lại thấy chim chúa mắc nạn bay đi hết. Chờ đến khi thật yên tĩnh, người anh cả mới bảo ba người em ra ngoài, trèo lên mái nhà lấy dây thừng cột chặt chân và cánh nó lại, không cho cựa quậy. Ba người kia thì ở trong giúp anh vít chặt cái thông lưng xuống. Bảy giờ nó đã nằm giữa sân, thở hồng hộc. Cô gái muốn giết ngay để trả thù cho cha mẹ và người làng bị nó bắt đi nhưng người anh cả nói:

— Để tôi hỏi xem nó bắt người giầu ở đâu, hay là đã ăn thịt rồi. Nay, con chim dữ kia! Người của chúng ta, mày đưa đi đâu? Họ đang yên ổn làm ăn, chúng mày ở đâu đến, gây tai họa. Họ làm gì chúng mày? Nói đi?

Nó vẫn nằm thở, không nói.

— Mày không nói tức là mày muốn chết. Thôi cho mày chết! Sáu người cầm hai đầu dây thông lưng kéo. Nó mới rên rĩ:

— Xin các ông để tôi nói. Người các ông, tôi đưa vào cái hang trong núi. Họ còn ở đấy cả.

Cô gái vội vàng hỏi:

— Hang nào? Có phải cái hang ở ngọn núi đằng kia không?

— Vâng.

— Thế thì em biết!

Ngay đêm ấy họ giết con chim chúa, còn cô gái thì đốt đuốc đến từng nhà gọi những người trốn trong hầm ra, kể đầu đuôi câu chuyện, rồi kéo nhau vào núi, tìm người. Tờ mờ sáng hôm sau, thì những người bị bắt đi cũng như những người ở trong rừng về đông đủ. Họ hỏi tung tích bảy chàng trai, tôn họ là những vị anh hùng đã cứu dân làng tai qua nạn khỏi. Bố mẹ cô gái là người đứng đầu bản này, thay mặt dân bản cảm ơn rồi rít. Cô người thấy cô gái cùng lứa tuổi với người em út, nói là gả cho anh kết đôi làm vợ chồng thì khéo lắm. Bố mẹ cô gái vui mừng, nói:

— Được thế còn gì bằng! Không có các anh ấy thì vợ chồng chúng tôi chết đói trong hang, mà con gái chúng tôi cũng không sống nổi. Công ơn các anh, đối với làng ta to lắm!

Bảy anh em tìm được đất lành, trở về đưa bố mẹ và bạn nghèo đến rồi cùng nhau làm ăn vui vẻ, không bị đàn chim dữ nào đến cướp phá nữa.

Truyện cổ Ê-đê
TRƯƠNG CHÍNH kể

Chú giải: 1. *Thần hồn nát thần tính*: (thành ngữ) tự mình làm cho mình hoảng sợ. 2. *Kơ-na-kinh*: tiếng dân tộc chỉ loài chim dữ to lớn như đại bàng. 3. *Gơ-rú*: tiếng dân tộc, chỉ loài chim dữ, nhỏ hơn. 4. *Chờ cơn*: hơi hoảng sợ. 5. *Thông lưng*: vòng dây buộc, khi giết mạnh một đầu thì đầu kia thắt chặt lại.

V nghĩa: Biết dùng mưu trí và biết đoàn kết thì mặc dù yếu cũng có thể thắng được kẻ mạnh hơn mình để bảo vệ cuộc sống.

20. HÀ RÀM HÀ RẠC (1) !

Xưa có hai anh em nhà nọ, cha mẹ mất sớm, hai anh em ở với nhau. Người anh vốn tham lam. Người em cần cù chăm chỉ. Được ít lâu người anh đòi chia gia tài. Người anh nói :

— Của cải của cha mẹ để lại bây giờ phân hai, những thứ gì là cái, là con thì của tôi, còn thứ gì là đực (2), thì của chú.

Nói rồi người anh bắt đầu xưng tên các của cải trong nhà :

— Cái nhà của tôi, cái sân của tôi, cái vườn của tôi, con trâu của tôi, con bò của tôi, con chó của tôi. Người anh cứ vừa xưng tên vừa nhận là của mình. Từ sáng đến gần trưa người em đứng mỏi cả chân mà vẫn chưa thấy thứ nào là đực cả. Trong khi đó thì người anh vợ vệt hầu hết từ nhà cửa, ruộng vườn đến trâu, bò, gà, lợn, từ nồi niêu, hũ nậm, đến chổi cùn rế rách không thứ gì lại không bắt đầu bằng con hoặc cái. Người em ngán ngẩm quá. Chợt thấy chiếc rựa để dựa ở góc bếp, người em vội nói lớn : « Đây là đực rựa của tôi ». Nói rồi người em vác luôn đực rựa của mình lên vai và đi thẳng ra rừng chặt củi không thèm để ý đến số gia tài mà cha mẹ để lại nữa. Người em với chiếc đực rựa ấy, sống bằng nghề kiếm củi đi bán và cảm thấy rất thanh thản.

Một hôm, người em vác chiếc đực rựa lên rừng đốn củi sớm quá nên nằm nghỉ ở một nương ngô sát chân núi, đầu gối lên chiếc đực rựa và ngủ thiếp đi. Nào ngờ đây là nơi tụ tập của một bầy khỉ. Chúng thường đến đây bẻ trộm ngô ăn rồi nháy múa. Hôm đó bầy khỉ lại kéo đến. Bỗng con khỉ đầu đàn kinh hãi nói :

— Có người chết ở đây, khiếp chưa ! Phải khiêng vớt đi thôi, không thì ô uế nơi ăn nghỉ của bọn ta.

Cả bọn xúm nhau vào khiêng cái xác chết tức người em đang ngủ say đến nơi chôn cất. Người em lúc ấy đã tỉnh nhưng cứ giả vờ ngủ để xem chúng sẽ khiêng mình đi đến đâu. Đi được một lát, bỗng một con khỉ đang khiêng cất tiếng hỏi :

— Hà rằm hà rắc, chôn núi bạc hay chôn núi vàng ?

Con khỉ đầu đàn liền trả lời



— Hà rắc hà rằm, chôn núi vàng không chôn núi bạc.

Bầy khỉ cứ thế khênh người em đến núi vàng rồi để ở đấy. Xong chúng nháy múa và trở về nơi nương ngô cũ. Người em đợi bầy khỉ đi xa mới trở dậy. Lúc bấy giờ trời đã sáng hẳn. Ánh nắng mặt trời bắt đầu chiếu những tia rực rỡ vào núi. Chao ôi ! Bao nhiêu là vàng thỏi nằm lẫn lóc suốt cả triền rộng. Người

em mừng quá liền nhặt một số thỏi và tìm đường trở về. Từ đây người em trở nên giàu có lại tậu được nhà cửa, ruộng vườn, không kém gì những người giàu có khác. Còn người anh đã giàu rồi lại muốn giàu thêm liền đến nhà người em hỏi chuyện và gạ gẫm⁽³⁾ xin đòi cả gia tài mình lấy chiếc đực rựa. Người em cũng bằng lòng. Và thế là người anh cũng hăng hái vác chiếc đực rựa lên rừng kiếm củi. Để mong gặp được bầy khỉ, anh ta cũng đến nương ngô cũ, giả vờ chết để được đàn khỉ hò nhau khiêng đi. Rồi câu chuyện cũ lại diễn ra khi một con khỉ đang khiêng xác người anh hỏi con khỉ đầu đàn :

— Hà rằm hà rạc, chôn núi bạc hay chôn núi vàng?

Con khỉ đầu đàn trả lời :

— Hà rằm hà rạc, chôn núi bạc không chôn núi vàng.

Người anh giả vờ chết đang nằm cứng đờ, bỗng giẫy nảy kêu lên :

— Không, không, xin cho chôn ở núi vàng!

Thốt nghe tiếng người, biết là người này còn sống, cả bầy khỉ kinh hãi quạ vọt buồng tay khệnh. Thế là cả thân hình béo tốt của người anh rơi phịch xuống triền đá, nát óc chết.

CHU HUY kể

(Phỏng theo Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam
của Nguyễn Đồng Chi)

Chú giải : 1. Hà rằm hà rạc : cụm từ tượng thanh mô phỏng tiếng kêu của loài khỉ. 2. Cái, con, đực : danh từ chỉ loại thường, đứng trước tên sự vật (Đực cũng là từ Việt cổ chỉ loại). 3. Gạ gẫm : (xem chú giải ở truyện *Cô chủ không biết quý linh bàn*).

Ý nghĩa : « Ở hiền gặp lành », kẻ tham lam quá quắt nhất định sẽ gặp tai họa, còn người hiền lành, trung thực, sẽ có ngày hưởng hạnh phúc. Đó cũng là ước mơ công lí của nhân dân lao động.

21. SỰ TÍCH ĐIỀU MÚA CÔNG NƯỚC LÀO

Ngày xưa, ở nước Lào có hoàng tử Phôn-na-vông đẹp trai, tài giỏi và có đạo đức. Vua và hoàng hậu rất yêu quý. Khi hoàng tử đến tuổi trưởng thành, các quan trong triều ai có con gái

lớn cũng muốn gả cho chàng, nhưng hoàng tử vẫn chưa tìm được người ưng ý.

Quan lễ tướng⁽¹⁾ cũng có một cô con gái xinh đẹp. Ông ta muốn dâng cho hoàng tử để sau này con gái ông chiếm lấy ngôi hoàng hậu. Nhưng hoàng tử vẫn không ưng vì cô gái này có tính gian ngoan⁽²⁾.

Một hôm Phôn-na-vông cùng đi săn với một toán quân hầu. Mải đuổi theo mồi, khi sức nhớ ra thì trời đã tối, hoàng tử nhìn lại thì toán quân hầu đã về hết từ lúc nào. Bên mình chàng chỉ còn lại con chó săn và con sáo biết nói. Chàng buộc phải ngủ lại dưới gốc cây cổ thụ, bên bờ một hồ nước rộng mênh mông. Sáng ra, chàng thấy cảnh bình minh trên mặt hồ tuyệt đẹp. Xa xa, từ phía chân trời có những đốm sáng đang tiến lại, to dần như những ngôi sao. Thì ra đó là một bầy chim công. Hoàng tử vội núp sau gốc cây chăm chú nhìn xem. Bầy công lượn mấy vòng trên mặt hồ, thấy yên tĩnh liền hạ cánh, trút bộ áo lông công sắc sỡ, hiện nguyên hình thành bảy nàng tiên đẹp tuyệt trần. Các nàng tiên xuống hồ tắm, vùng vẫy, nô đùa thoải mái. Đẹp nhất là nàng tiên thứ bảy. Phôn-na-vông muốn chọn nàng làm vợ, liền ra hiệu cho con chó săn cắn bộ áo của nàng cất vào một nơi rồi sửa lên mấy liếng. Thấy động, cả bầy tiên vội vã lên bờ, khoác áo lông công và bay vút lên trời. Riêng nàng tiên thứ bảy tìm mãi không thấy áo, hoảng hốt kêu lên :

— Các chị chờ em với ! Chờ em với !

Con chó săn sửa ầm ĩ. Sáu nàng tiên chị lượn đi lượn lại mấy vòng, không thấy nàng tiên em đâu, đành phải bay về trời.

Giữa lúc đó, hoàng tử cho con sáo bay ra nói :

— Áo cô ở kia ! Áo cô ở kia !

Nàng theo chim sáo đến tận gốc cây cổ thụ thì bất ngờ gặp hoàng tử Phôn-na-vông. Hoàng tử cởi tấm áo khoác ngoài của mình trao cho nàng mặc tạm và dịu dàng hỏi :

— Nàng là ai ? Ở đâu tới đây ?

— Em là Dương-na-li, con gái út vua nước Chăm-pa.

— Còn tôi là Phôn-na-vông, con trai vua nước Lào. Gặp nhau đây âu cũng là duyên trời, tôi muốn cùng nàng kết nghĩa vợ chồng. Chẳng hay nàng có vui lòng không?

Dương-na-li e lệ gật đầu.

Phôn-na-vông tháo chiếc nhẫn của mình đeo vào ngón tay Dương-na-li, còn nàng thì trao cho chàng một chiếc vòng ngọc. Rồi cả hai lên ngựa về cung vua. Con chim sáo bay trước dẫn đường. Con chó săn theo sau vó ngựa.

Thấy hoàng tử kén được vợ hiền, nhà vua và hoàng hậu hết sức vui mừng. Cả triều đình ai cũng ngỏ lời chúc tụng. Riêng bố con quan tể tướng thì lấy làm ghen tức. Chúng tìm cách hãm hại đôi vợ chồng trẻ.

Lão tể tướng thông mưu⁽³⁾ với một tù trưởng quấy rối biên giới rồi tâu vua xin cử hoàng tử đi đánh dẹp hồng mược tay bọn phiến loạn giết chết chàng. Phôn-na-vông cất quân đi, chàng đánh trận nào thắng trận ấy nhưng lão tể tướng lại phao tin nhằm là chàng thua to làm cho nhà vua hoảng sợ. Con gái lão tể tướng lại sai một đạo sĩ vào cung đem pha rằng đất nước và hoàng tử đang lâm nguy chính vì Dương-na-li là một con quỷ cái hiện hình để làm hại hoàng gia. Cả tin, nhà vua quyết định khép Dương-na-li vào tội chết.

Trước ngày bị hành hình, Dương-na-li tâu vua:

— Ở nước Chăm-pa có tục lệ ai bị xử tội chết đều được mặc áo lông công múa hát chúc phúc cho mọi người ở lại. Xin phụ vương ban ơn cho con được theo tục lệ đó.

Nhà vua chấp thuận.

Hôm bước lên giàn thiêu⁽⁴⁾, Dương-na-li mặc bộ áo lông công lông lấy múa điệu «lào phên» (điệu múa Lào) chúc phúc cho mọi người và nói lên nỗi oan ức của mình. Điệu múa uyển chuyển và giọng hát du dương làm cho người xem ai cũng mê say và xúc động. Bất thình lình, thuận đà, nàng vó cánh vút lên cao, nhằm hướng nước Chăm-pa bay thẳng.

Ai nấy sửng sốt trông theo bóng nàng khuất dần trong mây bạc.

Thắng trận trở về, không thấy Dương-na-li, Phôn-na-vông vô cùng thương nhớ. Hoàng hậu ứa nước mắt kể lại cho con trai nghe đầu đuôi nỗi oan khuất của nàng. Chàng nhất quyết bỏ kinh thành đi tìm vợ.

Chàng trở lại bên bờ hồ cũ, và gặp được vua Thủy Tề. Vua Thủy Tề nói:

— Ta rất thương hoàng tử có lòng chung thủy, muốn giúp hoàng tử đến nước Chăm-pa. Từ đây đến đó, hoàng tử sẽ phải vượt qua một con sông nước sôi, bảy ngọn núi lửa và trên đường đi có thể gặp phải đại bàng chuyên ăn thịt người.

Vua Thủy Tề tặng hoàng tử một con khỉ dẫn đường, một viên ngọc quý để khi gặp nguy hiểm vào miệng sẽ thu nhỏ người lại và một cái cung để dập tắt núi lửa. Duy có con sông nước sôi thì vua Thủy Tề không có cách gì trị nổi. Nhà vua dặn: « Khi vượt sông hãy kêu một tiếng « nóng quá » thì lập tức người chảy thành nước ngay. Hoàng tử đừng quên! ». Phôn-na-vông nhận các bảo vật, vái chào, rồi ra đi. Chàng theo chân con khỉ dẫn đường đi mãi. Đến con sông nước sôi, hơi nước bốc lên ngùn ngụt, chàng hơi rợn, nhưng nghĩ đến Dương-na-li, chàng liền cõng con khỉ lên vai, cắn răng lội qua, không kêu một tiếng.

Một hôm, trời đã tối, đến một chân núi cao, chàng bỗng nghe có tiếng đàn bà đang nghiêng chồng: « Ông còn đoán già, đoán non nữa thôi? Con mời từ đông nam chẳng thấy đàn xác tới, chỉ thấy đôi nhữn cả người ». Biết đây là vợ chồng chim đại bàng chờ ăn thịt mình, hoàng tử cho con khỉ đi lên trước thăm dò. Quả nhiên, nó bị đại bàng xé xác nhai ngấu nghiến. Phôn-na-vông liền ngậm viên ngọc quý vào miệng, thu nhỏ mình lại, nấp vào một kẽ lá. Chàng thấy đại bàng chồng bảo vợ:

— Ngày mai bên nước Chăm-pa có lễ đón mừng công chúa Dương-na-li vừa thoát nạn trở về. Mai sang đó thịt trâu, thịt bò tha hồ ăn.

Phôn-na-vông chờ cho chúng ngủ say, dùng mũi kiếm khoét một lỗ nhỏ ở chân lông trên cánh đại bàng chồng rồi

chui vào đây. Sáng hôm sau, vợ chồng đại bàng bay lên không trung mang theo cả Phôn-na-vông sang kinh đô nước Chăm-pa. Đến hội, vợ chồng đại bàng sà xuống cướp thịt trâu, thịt bò làm cho dân chúng hoảng sợ bỏ chạy tán loạn. Phôn-na-vông liền nhả viên ngọc ra, rút kiếm đâm chết đại bàng chồng. Đại bàng vợ sợ quá tìm đường biến mất.

Nhờ có vòng ngọc làm tin, chàng được đón vào cung vua, gặp Dương-na-li. Vợ chồng vui mừng khôn xiết. Hoàng hậu nước Chăm-pa rất hài lòng thấy con rể khôi ngô, tuấn tú. Nhưng nhà vua phẫn:

— Muốn lấy con gái ta chàng phải lập được công to. Hiện nay trong nước đang có bảy ngọn núi phun lửa đốt cháy nhà cửa, giết hại dân chúng vô kể. Nếu nhà ngươi trừ được nạn đó, ta sẽ gả con gái cho.

Phôn-na-vông vâng lời. Chàng đi đến vùng núi lửa và giương cung bắn liền bảy phát. Tức thì cả bảy ngọn núi phun lửa đều tắt ngấm, biến thành bảy ngọn đồi tro nguội. Phôn-na-vông được nhà vua Chăm-pa cho phép cưới Dương-na-li làm vợ. Nhà vua còn sai quân đưa họ trở về nước Lào.

Trong lễ mừng vui sum họp, công chúa Dương-na-li lại mặc áo lông công múa hát chúc mừng hạnh phúc của tất cả mọi người.

Từ đó, dân tộc Lào có điệu múa công là gốc của tất cả các điệu múa Lào còn truyền lại đến ngày nay.

Kể theo Hợp tuyển văn học Lào
(Kể chuyện 3 — XBGD. 1983)

Chú giải: 1. Quan tể tướng: viên quan đứng đầu triều đình, điều hành công việc nhà nước. 2. Gian ngoan: dối trá và tai quái. 3. Thông mưu: mưu mô cùng nhau làm việc xấu. 4. Giàn thiêu: giàn chất củi, vật liệu dẫn lửa, dùng để thiêu sống người bị tội chết là hình phạt đã man thời phong kiến.

Ý nghĩa: Truyện đề cao lòng chung thủy, tình trung thực của hoàng tử Phôn-na-vông và công chúa Dương-na-li, lên án hành động tội ác của cha con lão tể tướng.

22. ĐƯỢC BÁC HỒ TẶNG ẢNH

Anh Li Phúc Nha mới vào bộ đội. Một hôm anh được cấp chỉ huy giao nhiệm vụ đứng gác ở một vị trí đặc biệt quan trọng. Anh vừa lo lắng vừa phấn khởi. Nha thuộc lòng lời dặn của đại đội trưởng: « Khu vực đơn vị ta bảo vệ ví như cả con người thì nơi đồng chí gác là bộ óc. Đồng chí cần kiểm tra kỹ giấy ra vào. Ai có giấy tờ hợp lệ mới được ra vào ».

Bỗng Nha thấy từ xa một ông cụ già người cao cao, thanh thanh, đội chiếc nón đã cũ, quần xắn đến đầu gối, chân đi dép cao su, vai mang chiếc túi vải đi nhanh về phía mình. Nha nghĩ bụng: « Có lẽ ông cụ đến căn nhà mình bảo vệ đây! ».

Nha tiến lại gần ông cụ nhưng chưa kịp hỏi thì ông cụ đã nói:

— Chú gác ở đây à?— Giọng nói của cụ vừa hiền từ, vừa ấm áp.

— Vâng.

Ông cụ định tiếp tục đi vào hướng ngôi nhà cần được bảo vệ. Anh buột miệng (?) nói luôn:

— Cụ cho cháu xem giấy ra vào ạ.

Hỏi xong, Nha để ý nhìn ông cụ. Đôi mắt ông cụ trông quen quen, sáng và đẹp như mắt Bác Hồ. Có phải Bác Hồ không nhỉ?

Ông cụ vui vẻ bảo Nha:

— Bác đây mà!

Lúc này một người nữa cũng vừa đến, vẻ không bằng lòng, bảo Nha:

— Bác đây, sao đồng chí lại hỏi giấy?

Một ý nghĩ thoáng qua đầu óc Nha: Bác nào? Các đồng chí chỉ huy có dặn mình miễn kiểm tra giấy của người nào đâu?

Nha buột miệng:

— Bác cũng phải có giấy mà! Có giấy mới được vào mà!

Người đi với ông cụ càng tỏ vẻ bức mình, nhưng ông cụ đã ôn tồn bảo:

— Chú đi tìm chú chỉ huy đơn vị lại mới được. Bác cháu mình quên lấy giấy rồi.

Đồng chí này vội vã chạy đi.

Ông cụ vui vẻ hỏi Nha:

— Cháu người dân tộc gì? Quê ở đâu? Vào bộ đội lâu chưa?

Nghe giọng ông cụ thân thương quá, Nha trả lời thành thực:

— Cháu người Sán Chỉ⁽²⁾, quê ở Thái Nguyên, vào bộ đội mới một năm thôi ạ.

Nha trả lời xong thì đại đội trưởng cũng vừa chạy tới. Vẻ hoảng hốt đại đội trưởng bảo Nha:

— Bác Hồ đấy mà! Sao đồng chí không để Bác vào nhà của Bác?

Nha sung sướng quá! Lần đầu tiên Nha được thấy Bác Hồ. Nha đứng chờ người ra. Đại đội trưởng mời Bác vào nhà. Bác vui vẻ bảo Nha:

— Chú làm nhiệm vụ bảo vệ như thế là tốt.

Nghe Bác nói, Nha mới bớt lo.

Hết phiên gác Nha về doanh trại. Cả tiểu đội biết chuyện Nha hỏi giấy Bác Hồ, ai nấy đều vừa buồn cười vừa phàn nàn, Nha lại càng lo.

Sáng hôm sau, hết giờ thề dục, Nha được Bác gọi lên cùng với đại đội trưởng, chính trị viên và trung đội trưởng. Bác vui vẻ chỉ chỗ cho mọi người ngồi. Bác rót nước mời uống rồi lấy từ trong cuốn sách ra một tấm ảnh, ghi vào phía sau và âu yếm nhìn mọi người nói:

— Chú Nha mới vào bộ đội chưa biết Bác. Hôm qua thấy Bác không có giấy nên không cho vào nơi cần bảo vệ. Như vậy là đúng và đáng khen. Bác thưởng chú Nha chiếc ảnh của Bác. Còn đại đội trưởng, chính trị viên giao nhiệm vụ cho chiến sĩ

chưa rõ, chưa giới thiệu kĩ cho chiến sĩ biết Bác, làm trở ngại đến công việc, Bác phê bình. Các đồng chí có đồng ý không?

Mọi người thờ phào nhẹ nhõm, hứa xin vâng lời. Nha nhận tấm ảnh Bác tặng, vô cùng cảm động, sung sướng.

(Kể chuyện 3—XBGD, 1983)

Chú giải: 1. *Buột miệng*: chợt nói ngay không kịp suy nghĩ kĩ.
2. *Sán Chỉ*: tên gọi một dân tộc thiểu số ở Việt Bắc.

Ý nghĩa: Truyện ca ngợi ý thức chấp hành mệnh lệnh của người chiến sĩ bảo vệ cơ quan Nhà nước; đồng thời truyện cũng cho thấy Bác Hồ là người tiêu biểu cho tính giản dị, ý thức tổ chức và lòng nhân hậu.

23. ÔNG VUA SẦU MUỘN

Ngày xưa tại vương quốc Thái Lan⁽¹⁾ có một ông vua sầu muộn. Ngài không bao giờ mở miệng cười với ai, dù người đó là hoàng hậu. Đất nước thái bình, thịnh vượng, dân chúng yên ổn đức vua và mong ngài vui vẻ nhưng không ai có cách gì làm ngài nở một nụ cười. Mọi người cố gắng tìm hiểu nhưng không tài nào biết được vì sao đức vua sầu muộn. Chỉ có một người biết được nguyên nhân nỗi buồn của nhà vua. Người đó là bác thợ cạo của hoàng gia⁽²⁾. Nhưng thật rủi cho dân chúng, bác phó cạo đã thề với đức vua là sẽ không bao giờ tiết lộ bí mật này với ai.

Đức vua ngày càng buồn, biếng ăn, biếng ngủ. Các vị đại thần có người cho rằng nhà vua đang thiếu tiền. Nhưng quan coi kho cãi ngay rằng nhà vua giàu có hơn bao giờ hết. Có người cho là nhà vua thất tình. Nhưng tất cả các bà phi đều thề thốt là yêu chiều đức vua hết mức.

Thời gian trôi qua, bệnh sầu muộn của nhà vua vẫn không hề thuyên giảm.

Một hôm đức vua cho gọi người thợ cạo của hoàng gia đến để cắt tóc cho ngài. Nhưng rủi quá, bác phó cạo này đang ốm nặng. Cuối cùng người ta đành phải gọi một bác phó cạo khác.

Đức vua có vẻ ngần ngại trước sự có mặt của bác phó cạo mới. Nhưng sau rất nhiều đắn đo, ngài đành phải để cho bác hót tóc. Đức vua cho rằng một người tốt cùng cao sang và đức độ như ngài, không thể để râu tóc mọc dài như một tên cướp được. Nhưng trước khi bắt đầu công việc, đức vua bắt bác phó cạo mới phải thề không tiết lộ điều bí mật. Bác phó cạo mới này lại là người hay bép xép. Tuy vậy, cân nhắc mãi cuối cùng bác vẫn thề vì sợ mất cái vinh dự được hót tóc cho nhà vua. Hơn nữa bác sợ rằng nếu bác tiết lộ bí mật thì đầu bác sẽ lìa khỏi cổ.

Công việc bắt đầu. Và bác phó cạo mới nhận ra ngay nguyên nhân sâu muộn của nhà vua. Đó là một cái bướu (3) ở ngay trên đầu ngài.

Cắt tóc cho nhà vua xong bác phó cạo vội vã trở về nhà, nhưng cũng từ đó bác ta ăn không ngon, ngủ không yên. Bác cảm thấy đau khổ hơn bao giờ hết nhưng nghĩ đến những tên đao phủ của hoàng cung bác đành cay đắng ngậm miệng lại, nhưng càng ngày, sức chịu đựng của bác càng cạn dần. Thế là một lần bác chạy ra khỏi nhà, cố tìm một chỗ thật vắng vẻ để có thể một mình nói lộ điều bí mật lên tao kia. Nhưng ở đâu bác cũng sợ người khác nghe thấy. Bác cầm đầu cầm cổ chạy lung tung như một thằng điên. Một lát, mệt quá, bác lăn ra bãi cỏ và ngủ thiếp đi. Tỉnh dậy bác thấy xung quanh im ắng quá chừng. Thì ra bác đang ở trong rừng cấm của hoàng cung. Bác mừng rỡ vô cùng vội chạy vào một lùm cây cao và hét lên thật to tất cả những gì mình từng trông thấy trên đầu đức vua. Bác vui vẻ ra về sau khi đã trút xong cái gánh nặng vẫn phải mang từ trước đến giờ và yên trí rằng không một ai nghe thấy lời mình vừa nói.

Nhưng bác đã nhầm. Có một cây gỗ biết nghe tiếng người đã hút hết tiếng bác vào trong từng thớ gỗ.

Ít lâu sau cái trống cổ trong hoàng cung bị đứt dây rơi xuống vỡ tan tành.

Người thợ trống của hoàng gia được lệnh vào rừng đẵn gỗ về làm trống mới. Thật không may cho bác phó cạo, người thợ làm trống đã chọn ngay cái cây đã hút tiếng người.

Cái trống mới đã làm xong. Quan tể tướng triều đình tổ chức một buổi lễ khai trống thật trọng thể. Mọi người hi vọng rằng chiếc trống mới sẽ làm cho đức vua vui vẻ. Dân chúng tụ tập rất đông. Họ nghĩ rằng trống càng kêu to ròn rã thì mùa màng càng bội thu.

Giờ điểm trống đã tới. Mọi người nín thở, hồi hộp. Nhưng kì quái thay, tiếng trống mới không hề kêu từng từng như mọi cái trống thông thường khác mà từ sâu thẳm trong bụng nó phát ra tiếng người nói hết sức rõ ràng: «Đức vua có một cái bướu ở trên đầu! Đức vua có một cái bướu ở trên đầu!». Văn võ bá quan thất sắc, mặt cắt không ra máu, nhưng dám trề con thì cười ngất nghéo. Dân chúng nhiều người muốn cười nhưng cố nhịn vì sợ phạm tội bất kính.

Đức vua cho gọi ngay bác phó cạo đến. Bác ta run rẩy quỳ trước mặt đức vua và đành thú thật đầu đuôi câu chuyện. Bác đang chờ một cơn thịnh nộ có thể đầu bác sẽ lìa khỏi cổ trong giây lát. Nhưng không, đức vua không hề thét đao phủ lôi bác ra chém, trái lại ngài truyền lệnh tha tội chết cho bác. Thì ra ngài đã nhận ra điều bí mật dù giấu kín đến đâu khi đã có người thứ hai biết thì sớm muộn sẽ bị tiết lộ. Tật xấu trên đầu ngài chẳng có ý nghĩa gì khi đem so với những công trạng của ngài. Hơn nữa ai mà chẳng có một tật xấu. Trong lúc nhà vua nghĩ như vậy, cái trống vẫn nhắc đi nhắc lại: «Đức vua có một cái bướu ở trên đầu. Đức vua có một cái bướu ở trên đầu!». Nhưng đức vua bắt đầu mỉm cười. Còn dân chúng thì yô cùng sung sướng vì thấy ngài vui. Và chuyện cái bướu trên đầu đức vua cũng bị người ta quên bẵng đi.

Truyện cổ Thái Lan

CHU HUY kể

(Phỏng theo «Truyện cổ thế giới chọn lọc».

Nxb Kim Đồng — 1985)

Chú giải: 1. *Thái Lan*: nước láng giềng sát biên giới phía tây của Lào và Cam-pu-chia. 2. *Hoàng gia*: những người thân thuộc trong họ hàng nhà vua. 3. *Bướu*: cục thịt gỗ cao trên cơ thể người.

Ý nghĩa: Truyện vui trên đây nhắc nhở chúng ta đừng có giấu giếm khuyết điểm vì ai mà chẳng có khuyết điểm. Không che giấu khuyết điểm, chăm lo làm việc tốt cho mọi người thì sẽ có niềm vui.

24. CHUYỆN ÔNG TRẠNG NGUYÊN ĐẶNG CHẤT

Làng Phù Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh ngày trước có vị trạng nguyên ⁽¹⁾ tên là Đặng Chất. Thuở hàn vi ⁽²⁾, ông thường ở nhà đọc sách một mình. Hôm ấy, ông thấy có người đàn bà bên hàng xóm phoi hai chiếc yếm giữa sân, rồi xách mũng đi chợ. Một lúc lâu, đọc xong một đoạn sách, ông bỏ sách xuống, nhìn ra, thì thấy người đàn bà khác cùng xóm, nhân lúc vắng vẻ, sang rút hai chiếc yếm kia, lặn vào lưng rồi lăm lét bỏ về.

Tối đến, người đàn bà mất yếm ra đứng giữa sân chửi một hồi rồi nói bóng nói gió, nghĩ cho người đàn bà kia lấy trộm:

— Xóm này, ai còn lạ gì bà! Bà không lấy thì ai vào đây mà lấy nữa?

Bà kia chối day đây, thề hết thành hoàng đến thổ địa ⁽³⁾. Bà nọ vẫn không nghe, cứ đồ riết cho bà này lấy. Hai bà cãi nhau âm ỉ. Trong làng có đền Đồng Thiên Vương đồn là linh thiêng, hai bà liền xoi gà đem nhau đến, thắp hương, thề rất độc, nào là: «Đưa nào lấy hai chiếc yếm ấy thì học mầu chết tươi! Xin quý thần chứng giám» ⁽⁴⁾.

Ông Đặng Chất không nói gì hết, lấy giấy bút ghi lại những lời hai người thề thốt, để nghiệm xem quý thần linh thiêng như thế nào. Một tháng sau, thấy người đàn bà ăn trộm yếm vẫn bình yên vô sự, ông ta cười, nghĩ thầm trong bụng: «Xưa nay, người ta đồn thần làng ta thiêng, nhưng xem chuyện này thì thần cũng chẳng sáng tỏ hơn ai! Rõ ràng, mắt ta trông thấy người đàn bà nọ lấy trộm, thế mà lời thề thốt của bà ta có ứng nghiệm ⁽⁵⁾ gì đâu? Tôi cho bà kia, mất yếm lại mất cả xoi gà!».

Nhưng rồi, ông lại nghĩ: «Cũng may mà lời thề không ứng nghiệm. Chẳng lẽ, hai chiếc yếm mà đền một mạng người hay sao?». Sau này, thi đỗ trạng nguyên, ra làm quan, mỗi lần xử kiện, ông lại nhớ đến câu chuyện thuở hàn vi, không dám hồ đồ. Việc nhỏ, việc to ông đều cân nhắc, thân trọng không tin ở các lời khai mà sau khi điều tra kỹ lưỡng mới bước tới. Ông nổi tiếng là một ông quan công minh.

TRƯƠNG CHÍNH kể

Chú giải: 1. *Trạng nguyên*: người đỗ đầu khoa thi ở sân vua (thi đình). 2. *Hàn vi*: nghèo hèn. 3. *Thành hoàng*: vị thần của một làng. *Thổ địa*: thần đất. 4. *Chứng giám*: soi xét và chứng nhận cho. 5. *Ứng nghiệm*: có hiệu quả như lời thề.

Ý nghĩa: Không thể tin được vào những lời thề thốt vì không có thần thánh nào chứng giám việc của con người. Phải điều tra kỹ lưỡng để tìm ra sự thật khi xét xử một việc.

25. THÙNG LŨNG KIM CƯƠNG

Sau chuyến đi đầu tiên, tôi ⁽¹⁾ đã quyết định về sống bình yên những ngày còn lại của đời mình ở Bát-đa ⁽²⁾. Nhưng chẳng bao lâu tôi lại chán cuộc đời ăn không ngồi rồi, muốn đi xa bằng đường biển một chuyến nữa. Chúng tôi xuống một chiếc tàu tốt và bắt đầu chuyến đi.

Một hôm, tàu chúng tôi ghé vào một hòn đảo đầy cây ăn quả nhưng hoang vu, không hề thấy một ngôi nhà hoặc một bóng người nào. Chúng tôi đi hòng mải ở các bãi cỏ và men theo các con suối chảy qua. Trong lúc người này hái hoa giải trí, người khác hái quả làm vui, tôi lấy thức ăn và rượu nho mang theo rồi ngồi cạnh một dòng nước chảy giữa những cây to tỏa bóng mà nghỉ ngơi ăn uống. Sau một bữa khá ngon lành tôi buồn ngủ rũ cả người. Tôi không biết mình ngủ đã bao lâu nhưng khi tỉnh dậy thì chiếc tàu không còn đậu ở bến nữa. Tôi đã bị bỏ rơi một mình trên hoang đảo trong hoàn cảnh ấy. Tôi tưởng có thể chết được vì đau khổ. Tôi thét lên những tiếng kinh khủng, đập đầu và bò lăn ra đất. Tôi nằm rất lâu như vậy, đầu óc một mớ bòng bong những ý nghĩ chán ngán như nhau. Cuối cùng tôi đành luẩn theo ý muốn của Thượng đế và chẳng biết số phận mình sẽ ra sao. Tôi trèo lên một ngọn cây cao nhìn khắp bốn phía để xem thử có phát hiện được cái gì đưa lại chút hi vọng nào chẳng. Nhìn ra phía biển chỉ thấy nước và trời nhưng nhìn về phía đất thấy có một vật gì trắng trắng. Tôi tụt xuống đất thu góp những thức ăn còn lại rồi đi về phía vật trắng ấy, vì quá xa nên tôi không nhận được ra là vật gì.

Đến một khoảng cách phải chăng, tôi nhìn thấy đó là một khối hình cầu cao và to kì lạ. Tôi đến gần sờ thấy nó nhẵn thín. Tôi đi vòng, xem có lối vào nào không nhưng chẳng thấy. Tôi đồ chừng không thể nào trèo lên trên được bởi vì trơn tuột. Chu vi của nó vào khoảng năm mươi bước.

Lúc ấy mặt trời đã sắp lặn, không gian bỗng tối sẫm như có một đám mây dày bao phủ nhưng nếu tôi ngạc nhiên về bóng tối ấy, thì tôi lại càng kinh ngạc hơn nhiều khi nhận ra sở dĩ có bóng tối ấy là do một con chim to lớn đi kì đang bay về phía tôi. Tôi chợt nhớ đến một loài chim gọi là đại bàng⁽³⁾ và tôi hiểu ra cái khối hình cầu trắng toát kia hẳn là trứng của con chim này. Quả nhiên nó sà xuống và đậu lên trên như để ấp. Trông thấy nó đến tôi vội nép sát vào quả trứng, thành ra ngay trước mặt tôi là một chân của con chim, to bằng cả một thân cây lớn. Tôi lấy vải quấn quanh chiếc khăn đội đầu, tự buộc mình thật chắc vào cái chân đó, với hi vọng là ngày hôm sau khi con chim lại cất cánh nó sẽ đưa tôi ra khỏi hoang đảo này. Đúng như vậy, sau một đêm trong tư thế đó, vào lúc trời vừa sáng, chim đã bay bổng lên, đưa tôi vút cao đến nỗi không nhìn thấy mặt đất. Sau đó chim đột nhiên lao xuống rất nhanh làm cho tôi gần như mê man. Khi con đại bàng hạ cánh và đậu xuống đất, tôi mau chóng cởi nút khăn, tách người ra khỏi chân nó. Vừa xong, nó đã mổ một con rắn thật dài, cắn lấy và bay đi luôn.

Nơi con chim để tôi lại là một thung lũng rất sâu, bốn bề bao bọc bởi núi cao đến nỗi đỉnh khuất trong mây và quả hiếm trở thành ra không có một lối nào có thể trèo lên được. Đây lại là một điều bi thảm mới, so với chỗ hoang đảo mà tôi vừa rời khỏi, tôi thấy chẳng được lợi gì hơn trong sự đánh đổi này.

Đi trong thung lũng, tôi nhận thấy có rất nhiều viên kim cương to một cách kì lạ nằm rải rác khắp nơi. Tôi ngắm nhìn những thứ đó một cách thật thích mắt, song chỉ lát sau tôi nhìn thấy từ đằng xa những vật làm giảm bớt rất nhiều niềm vui thích ấy vì không thể nhìn mà không khiếp đảm. Đây là một bầy ngỗng ngỗng những con rắn to và dài đến mức không con nào không nuốt chửng được cả một con voi. Ban ngày, chúng về

hang để lần trốn chim đại bàng, kẻ thù của chúng và d
thì bỏ ra hoạt động.

Suốt ngày tôi đi lang thang trong thung lũng, thỉnh thoảng nghỉ ngơi ở những chỗ thuận tiện nhất. Tuy nhiên mặt trời
lặn, và tối đến, tôi rút vào một cái hang mà tôi cho là an toàn. Lối vào đã thấp lại hẹp, tôi còn lẩn phiến đá khá lớn lấp lại, không cho rắn chui vào nhưng không quá khít để có thể lọt qua chút ánh sáng. Tôi ăn một phần thức ăn mang theo. Đêm đến tiếng rít rùng rợn của những con rắn bắt đầu xuất hiện gây cho tôi nỗi kinh hoàng không bờ bến, không cho tôi được ngủ yên. Sáng ra, các con rắn bỏ đi, tôi run rẩy ra khỏi hang, chân giẫm lên kim cương mà lòng không hề có chút ham muốn. Cuối cùng tôi ngồi xuống và mặc dù lo âu, nhưng vì suốt đêm qua không chợp mắt, tôi ngủ thiếp đi sau khi dùng thêm một bữa với thức ăn mang theo. Nhưng tôi vừa chợp mắt thì một vật gì rơi xuống cạnh gây ra tiếng động mạnh làm tôi tỉnh giấc, đó là một tảng thịt tươi lớn, và cùng lúc ấy tôi thấy nhiều tảng thịt khác lần từ trên đỉnh núi xuống nhiều chỗ khác nhau.

Xưa nay tôi vẫn cho rằng qua là câu chuyện kể cho vui tại những điều nói về thung lũng kim cương⁽⁴⁾ và tài thảo vật của một số nhà buôn tìm cách lấy những viên ngọc quý ấy. Giờ tôi biết họ nói đúng sự thật. Quả thật các nhà buôn đến gần thung lũng này trong thời gian các chim ưng có con. Họ xả thịt, ném từng tảng lớn xuống thung lũng. Thịt rơi vào chỗ nào có kim cương thì kim cương dính chặt vào tảng thịt ấy. Chim ưng ở xứ này khỏe hơn nhiều so với những nơi khác. Chúng bỏ nhào xuống những tảng thịt, cắn mang về tổ của chúng trên đỉnh núi cao để làm mồi cho chim con. Thế là các nhà buôn chạy đến gần các tổ chim la hét, buộc chúng phải lánh đi để cho họ nhặt những viên kim cương dính vào thịt. Họ phải dùng đến mẹo này, bởi vì không còn có cách nào khác để lấy kim cương từ dưới thung lũng sâu như một vực thẳm không có lối xuống. Cho đến lúc ấy, tôi đã ngỡ là không thể có cách nào thoát ra khỏi cái thung lũng mà tôi đã coi như là mồ chôn mình. Nhưng nhìn thấy những tảng thịt rơi xuống, tôi bỗng nảy ra một ý. Tôi bắt đầu nhặt những viên kim cương to nhất, bỏ đầy cái

đi da vẫn dùng để đựng thức ăn. Sau đó tôi lấy một tảng thịt trông có vẻ dài nhất buộc chặt xung quanh người bằng tám vải vẫn cuộn làm khăn đội đầu và trong hình dạng đó tôi nằm sấp xuống đất, cái túi da buộc chặt vào thắt lưng sao cho không thể nào rơi được.

Tôi vừa nằm xuống trong tư thế ấy thì đàn chim ưng bay đến, mỗi con cắp một tảng thịt mang đi, con khỏe nhất cắp tôi cùng với tấm thịt cuộn quanh người bay bổng lên tận lỗ của nó trên đỉnh núi cao. Lúc ấy các nhà buôn hét to, để cho chim sợ bắt buộc phải bỏ lại mồi và một người chạy đến. Người ấy hốt hoảng khi trông thấy tôi. Bằng thái độ ôn tồn, tôi đã giải thích cho họ hiểu việc xuất hiện bất ngờ của tôi. Họ hết sức khám phục cái hành động táo bạo quá mức để tự cứu mình mà tôi đã nghĩ ra. Với số kim cương nhất được ở dưới thung lũng, tôi chẳng những đủ dùng cho tôi mà còn chi cho cả các nhà buôn nữa. Thoát nạn, tôi sung sướng quá khi nghĩ rằng mình đã ra khỏi những gian nguy không thể tưởng tượng nổi. Tôi cảm thấy như mình vừa trải qua một giấc mơ và tôi có thể tin là ở trên đời không có gì làm tôi sợ hãi hơn nữa.

Truyện cổ Á-rập
CHU HUY KỂ

(Phỏng theo «Nghĩa lễ một đêm» tập I,
in lần thứ hai — Nxb Văn học — 1986)

Chú giải: 1. *Tôi*: nhân vật tự xưng tôi ở truyện kể là Xin-bát có biệt hiệu là «Người đi biển». 2. *Bát-da*: nay là thủ đô nước Cộng hòa I-rắc. 3. *Đại bàng*: loài chim lớn chuyên ăn thịt, ở trong truyện là loài chim khổng lồ.

Ý nghĩa: Truyện hấp dẫn bởi những tình tiết kì lạ. Truyện ca ngợi lòng dũng cảm, trí thông minh sáng tạo của con người để vượt qua những thử thách hết sức hiểm nghèo.

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	3
1. Hoa mào gà	5
2. Cô chủ không biết quý tình bạn	7
3. Hòn ngọc ước	8
4. Con chim nhỏ	11
5. Đường lên trời	14
6. A-i-ô-ga	17
7. Hòn đá thần	19
8. Bán bò	22
9. Đàn vịt trời	25
10. Hai chú gấu tham ăn	27
11. Chuyện ông Bùi Cầm Hổ	29
12. Nhà bác học E-di-xon và bà cụ già	32
13. Người bếp xép	34
14. Sự tử và kiến cang	38
15. Đám Bơ-ri	40
16. Cuộc phiêu lưu của ba giọt nước	42
17. Con mèo quý của nhà vua	44
18. Chuyện Xiêng Miêng	45
19. Bảy chàng trai	47
20. Hà râm hà rạc	52
21. Sự tích điệu múa công nước Lào	54
22. Được Bác Hồ tặng ảnh	59
23. Ông vua sâu muôn	61
24. Chuyện ông trạng nguyên Đặng Chắt	61
25. Thung lũng kim cương	65